BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị thanh Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Mai Quyên

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV 86

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên :Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giảng viên hướng dẫn:ThS.Phạm Thị Mai Quyên

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Huyền Mã SV:1412405003

Lớp: QT1801K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV 86

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

   - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
   - Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV 86
   - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán tại Công ty TNHH MTV 86.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

   - Tài liệu về công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2016 tại Công ty TNHH MTV 86.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

   - Công ty TNHH Một Thanh Viên 86

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP 3
1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu 4
1.3. Nguyên tắc doanh thu 4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ 6
1.5.1. *Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* 6
1.5.2. *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu* 9
1.5.3. *Kế toán giá vốn hàng bán* 11
1.6. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 15
1.6.1. *Kế toán chi phí bán hàng* 15
1.6.2. *Kế toán chi phí quản lý* 17
1.7. Kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động tài chính 19
1.7.1. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính* 19
1.7.2. *Kế toán chi phí tài chính* 21
1.8. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác 22
1.8.1. *Kế toán thu nhập khác* 22
1.8.2. *Kế toán chi phí khác* 24
1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp 25
1.10. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán 27
1.10.1. *Hình thức kế toán Nhật ký chung* 27
1.10.2. *Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ* 28
1.10.3. *Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái* 29
1.10.4. *Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ* 30
1.10.5. *Hình thức kế toán máy* 31

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86 32
2.1 Tổng quát về công ty TNHH Một thành viên 86 32
2.1.1. *Giới thiệu về công ty TNHH Một thành viên 86* 32
2.1.2. *Đặc điểm hoạt động của công ty TNHH Một thành viên 86* 32
2.1.3.*Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Một thành viên 86.* 33
2.1.4. *Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Một thành viên 86.* 35
2.1.4.1. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Một thành viên 86 35
2.1.4.2. Chế độ kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Một thành viên 86 38
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Một thành viên 86 40
2.2.1. *Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Một thành viên 86* 40
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 40
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán 49
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 60
2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên 86 69
2.2.3. *Kế toán doanh thu và chi phí khác trong Công ty TNHH Một thành viên 86* 73
2.2.4. *Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 86* 73
CHƯƠNG III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86 84
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kể toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên 86 84
3.1.1. Ưu điểm 84
3.1.2. Hạn chế 85
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 86 86

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 86
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện 86
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kê stoán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 86
KẾT LUẬN 94
TÀI LIỆU THAM KHẢO 95

LỜI MỞ ĐẦU

1.Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, cơ chế quản lí kinh tế của nước ta có những đổi mới sâu sắc và toàn diện, tạo ra những chuyển biến tích cực cho sự tăng trưởng của nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước theo hướng XHCN, điều đó càng chi phối mạnh mẽ hoạt động của các doanh nghiệp. Vì vậy, để doanh nghiệp phát triển bền vững, có sức cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp rất chú trọng đến việc nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm để thu về nhiều lời nhuận nhất. Để đạt được lợi nhuận cao và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lí, trong đó công tác hạch toán kế toán là công cụ quan trọng không thể thiếu nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo, tự chủ trong sản xuất kinh doanh làm sơ sở vạch ra chiến lược kinh doanh.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lí của công ty TNHH Một thành viên 86 em nhận thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lí hoạt động kinh doanh của công ty nên đòi hỏi cần phải được hoàn thiện. Vì vậy em đã chọn đề tài: " Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một thành viên 86".

2. Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu những nhận thức chung nhất về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nắm rõ tình hình thức tế về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một thành viên 86.

Đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3. Phạm vi nghiên cứu.

Công ty TNHH Một thành viên 86

4. Đối tượng nghiên cứu.+

Công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

5. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp kế toán

Phương pháp thống kê so sánh

6. Kết cấu.

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 86.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kế quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 86.

CHƯƠNG I.
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ *Bán hàng:* là hoạt động thực hiên trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyển cho khách hàng và khách hàng đồng ý hoặc chấp nhận thanh toán cho doanh nghiệp.

❖ *Sản phẩm sản xuất:* là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất ra để phục vụ cho chính doanh nghiệp hoặc để trao đổi với doanh nghiệp khác trong thương mại.

❖ *Sản phẩm tiêu thụ:* đây là quá trình thực hiện mục đích sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu thụ. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xất và phân phối và một bên tiêu dùng.

❖ *Doanh thu:* là tổng giá trị và lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vố chủ sở hữu của doanh nghiệp.

❖ *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,.. trong kỳ báo cáo , làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

➢ Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động:

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

❖ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích kiếm lợi nhuận.

❖ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➢ Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động tài chính được biểu hiện qua các chỉ tiêu lợi nhuận về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

❖ *Điều kiện ghi nhân doanh thu bán hàng*

❖ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

❖ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc người kiểm soát hàng hóa.

❖ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

❖ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khi đã đồng thời thoản mãn cả 5 tiêu chuẩn trên thì doanh thu bán hàng được ghi nhận.

❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ*

❖ Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.

❖ Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Doanh nghiệp xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành lập bảng cân đối kế toán.

❖ Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí đề hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên.

❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

❖ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

❖ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện.

1.3. Nguyên tắc doanh thu

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và

nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có)

❖Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

❖Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

❖Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

❖Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

❖Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

❖Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

❖Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

❖Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản.

❖Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số

tiền đượ Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114.

❖*Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:*

❖Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.

❖Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm , dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

❖Số tiền thu được về từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

❖Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.

❖Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ).

❖Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh của các loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác, riêng biệt từng loại doanh thu.

❖Nhiệm vụ của kế toán chi phí: phản ảnh và ghi chép các chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

❖Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: tổng hợp doanh thu, chi phí nhằm tính toán ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện đóng các khoản thuế cho Nhà nước.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. *Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

❖*Chứng từ sử dụng*

❖Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

❖Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, hàng hóa gửi đi bán đã tiêu thụ.

❖Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn.

❖ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 511 bao gồm 6 tài khoản cấp 2

+ *Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

+ *Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một ký kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

+ *Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ:*Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuàn của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+ *Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá:* Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ *Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+ *Tài khoản 5118- Doanh thu khác:* Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp giá và doanh thu kinh doanh

bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

❖ *Kết cấu tài khoản 511*

NỢ	511	CÓ
❖ Số thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xácđịnh là tiêu thụ trong ký kế toán. ❖ Trị giá khoản CKTM kết chuyển vào cuối kỳ. ❖ Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ. ❖ Trị giá khoản giảm giá hàng bán được kết chuyển vào cuối kỳ. ❖ Kết chuyển doan thu thuần vào Tài khoản 911 " Xác định kế quả kinh doanh".		❖ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong ký kế toán.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 511 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương thức hạch toán*

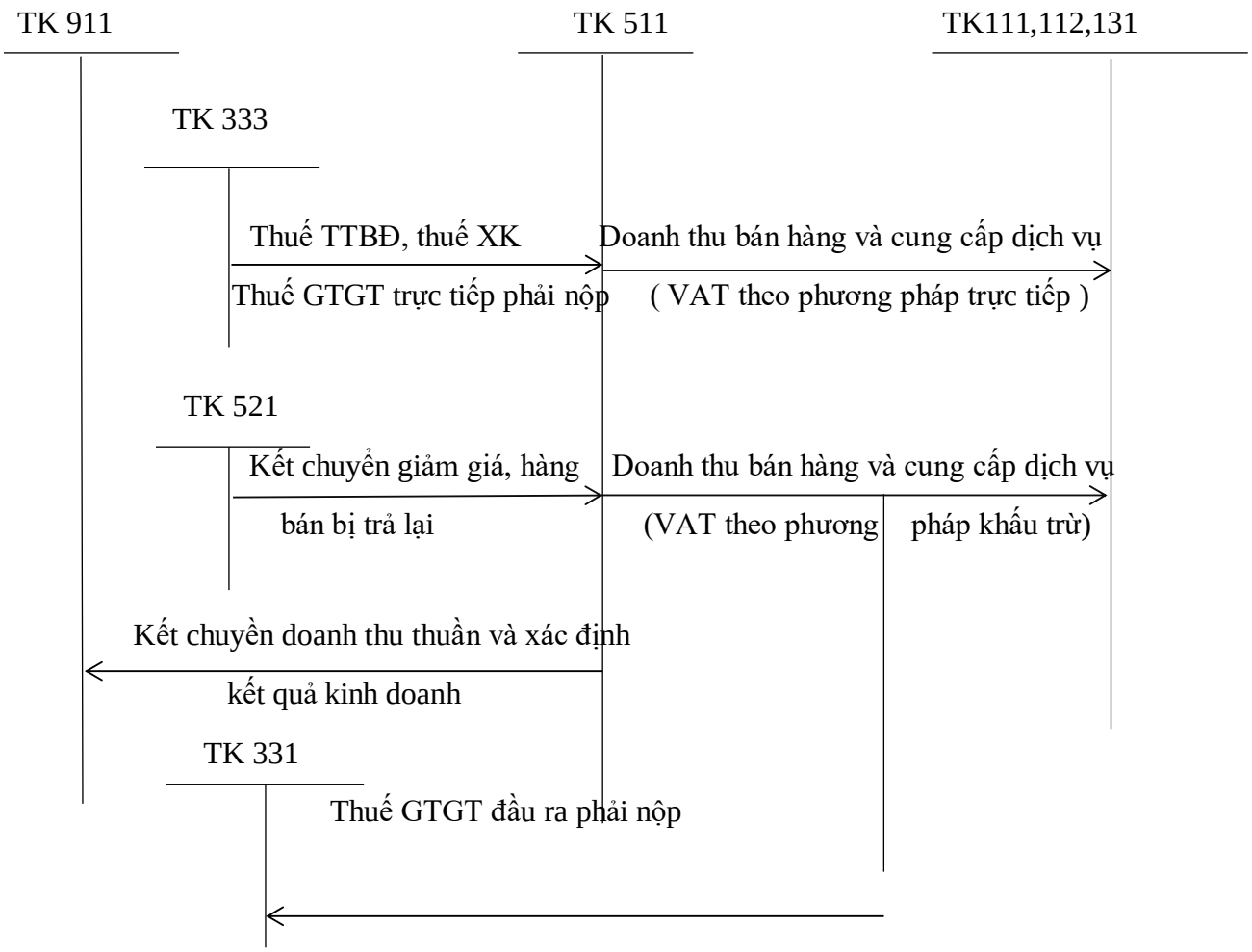

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.5.2. *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

❖ Giấy báo nợ

❖ Phiếu chi

❖ *Tài khản sử dụng*

❖ *Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu:* Tài khoản này dùng đề phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

❖ Tài khoản 521 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5211- Chiết khấu thương mại :* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

+ Tài khoản 5212- Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

+ Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK 521	CÓ
❖ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. ❖ Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng. ❖ Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.		Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 521 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

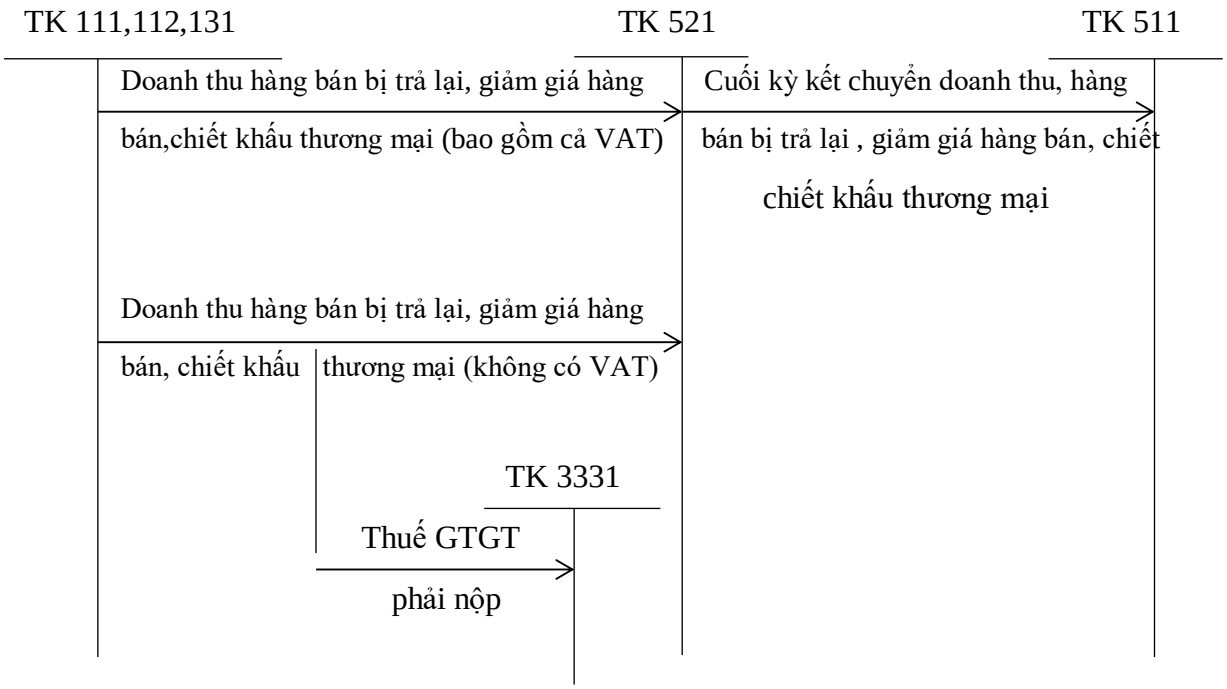

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.3. *Kế toán giá vốn hàng bán*

❖ *Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho*

❖ Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ + Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thức tế hàng I tồn kho đầu kỳ + Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước: phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước theo giá của lo hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của lô hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp giá bán lẻ: phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

❖ Phương pháp thực tế đích danh: phương pháp này giá được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Phiếu xuất kho.

❖ Bảng phân bổ giá vốn.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây dựng) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản.

❖ *Kế cấu tài khoản*

NỢ	TK 632	CÓ
❖ Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ. ❖ Chi phí NVL, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. ❖ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		❖ Kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư, khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. ❖ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 632 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

❖ Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.

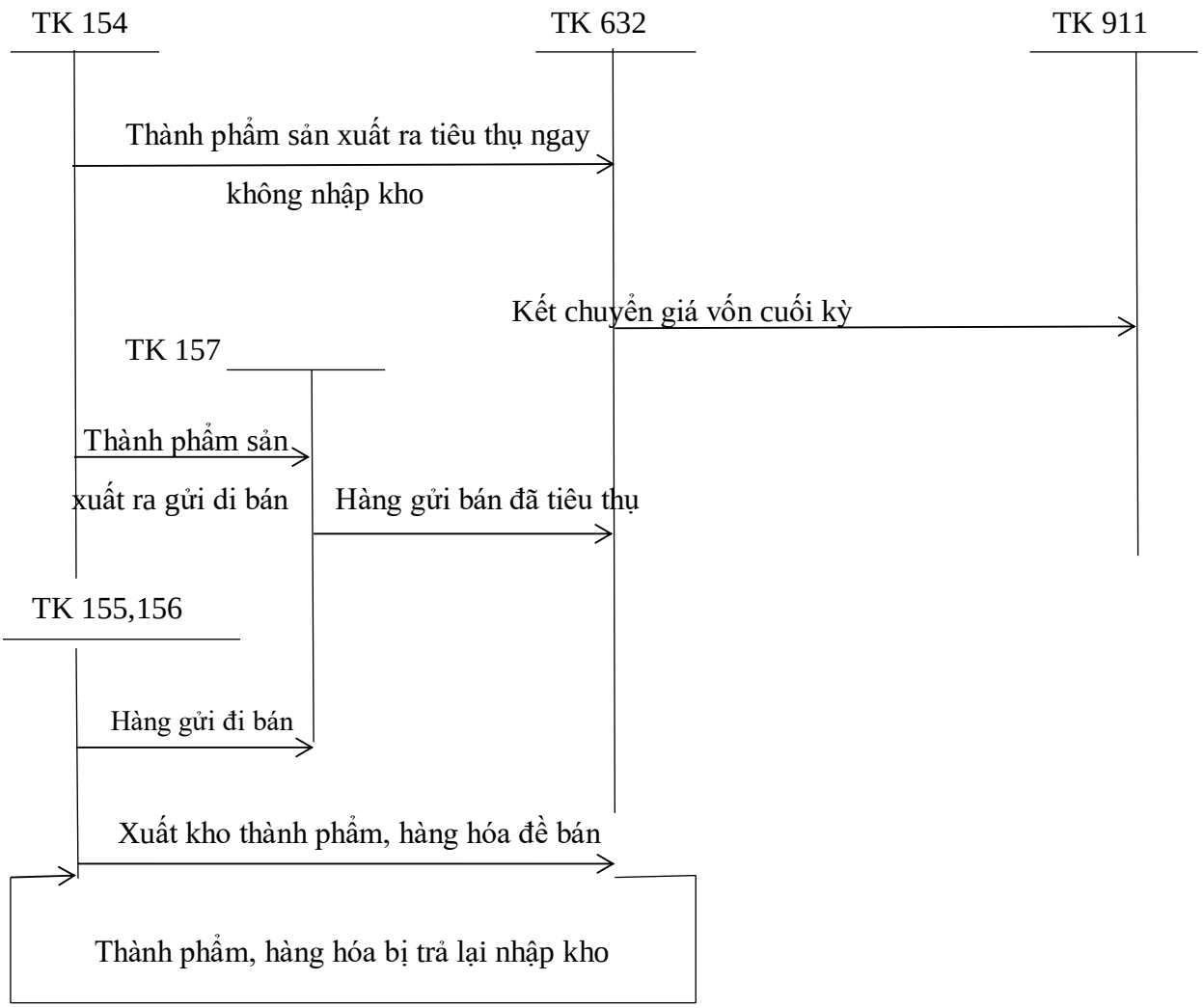

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

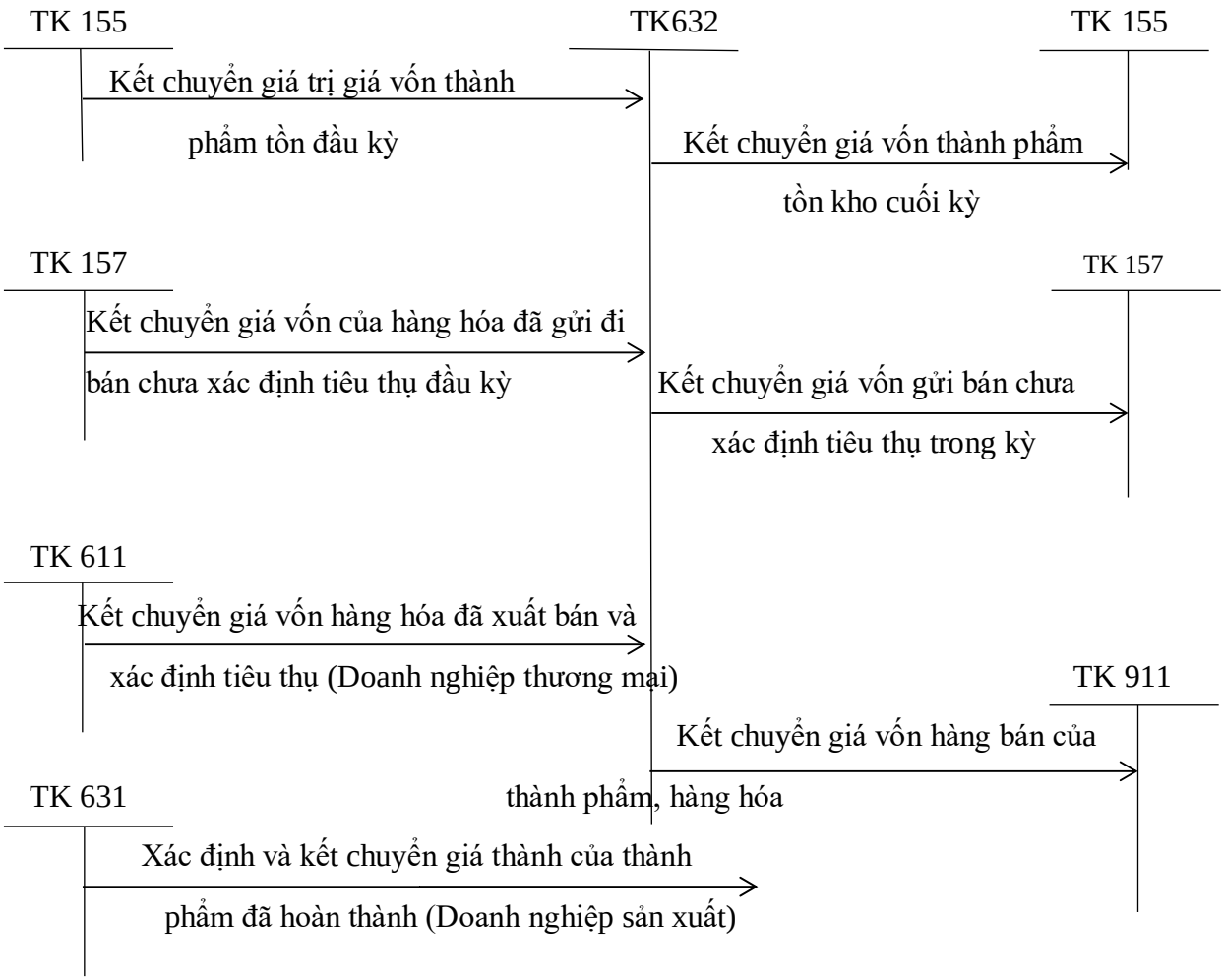

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.6. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.6.1. *Kế toán chi phí bán hàng*

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Bảng lương, bảng phân bổ lương.

❖ Bảng phân bổ chi phí trả trước.

❖ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

❖ Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT bán hàng các dịch vụ mua ngoài.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 641- chi phí bán hàng:* Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,…

❖ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 6411- Chi phí nhân viên:*Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhiên viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,… bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,…

+ *Tài khoản 6412- Chi phí vật liệu, bao bì:*Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyên sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ,… dùng cho bộ phận bán hàng.

+ *Tài khoản 6413- Chí phí dụng cụ, đồ dùng:* Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,…

+ *Tài khoản 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ:* Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà lưu kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, phương tiện đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,…

+ *Tài khoản 6415- Chi phí bảo hành:* Phản ánh chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 " Chi phí sản xuất chung" không phản ánh ở tài khoản này.

+ Tài khoản 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, háng hóa đi bán, trả tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,…

+ Tài khoản 6418- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp

khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng,…

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK 641	CÓ
❖ Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ		❖ Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. ❖ Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 641 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

1.6.2. *Kế toán chi phí quản lý*

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Bảng lương, bảng phân bổ lương.

❖ Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý.

❖ Bảng phân bổ chi phí trả trước.

❖ Bảng phân bổ khấu hao TCSĐ.

❖ Hóa đơn GTGT bán hàng các dịch vụ mua ngoài, phiếu chi, giấy báo nợ.

❖ Các chứng từ khác.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ Tài khoản 642- Chi phí nhân viên quản lý: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,…) , bảo hiểm xã hội, bảo hiểm ý tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện nước, điện thoại, internet, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,…), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,…)

❖ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

+ Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

+ Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

+ Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí.

+ Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng.

+ Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác.

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK 642	CÓ
❖ Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. ❖ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		❖ Các khoản được ghi nhận giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. ❖ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). ❖ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

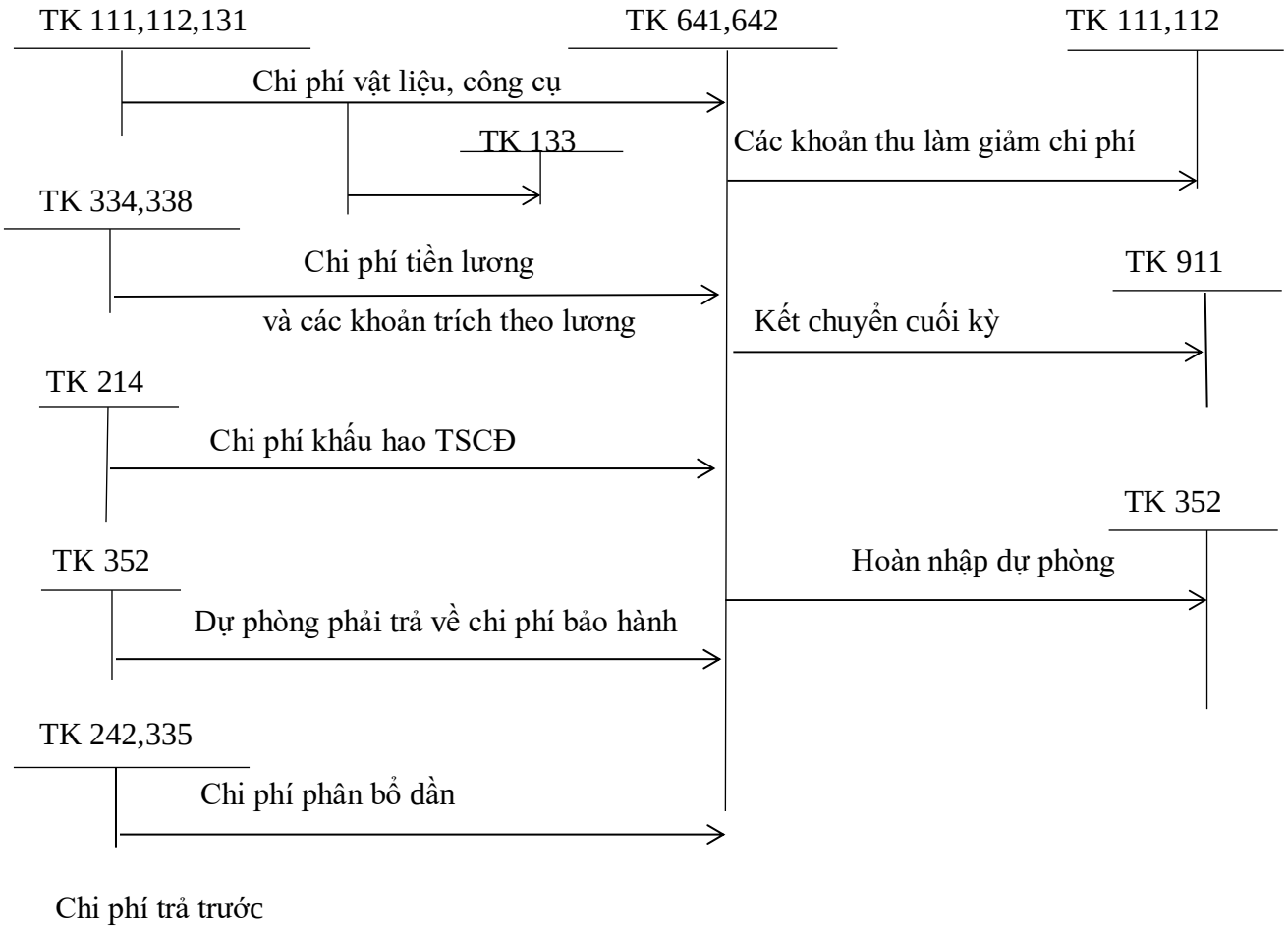

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.7. Kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động tài chính

1.7.1. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Phiếu thu.

❖ Giấy báo có.

❖ Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ *Kế cấu tài khoản*

NỢ	TK 515	CÓ
❖ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. ❖ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911"Xác định kết quả kinh doanh".		❖ Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 515 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

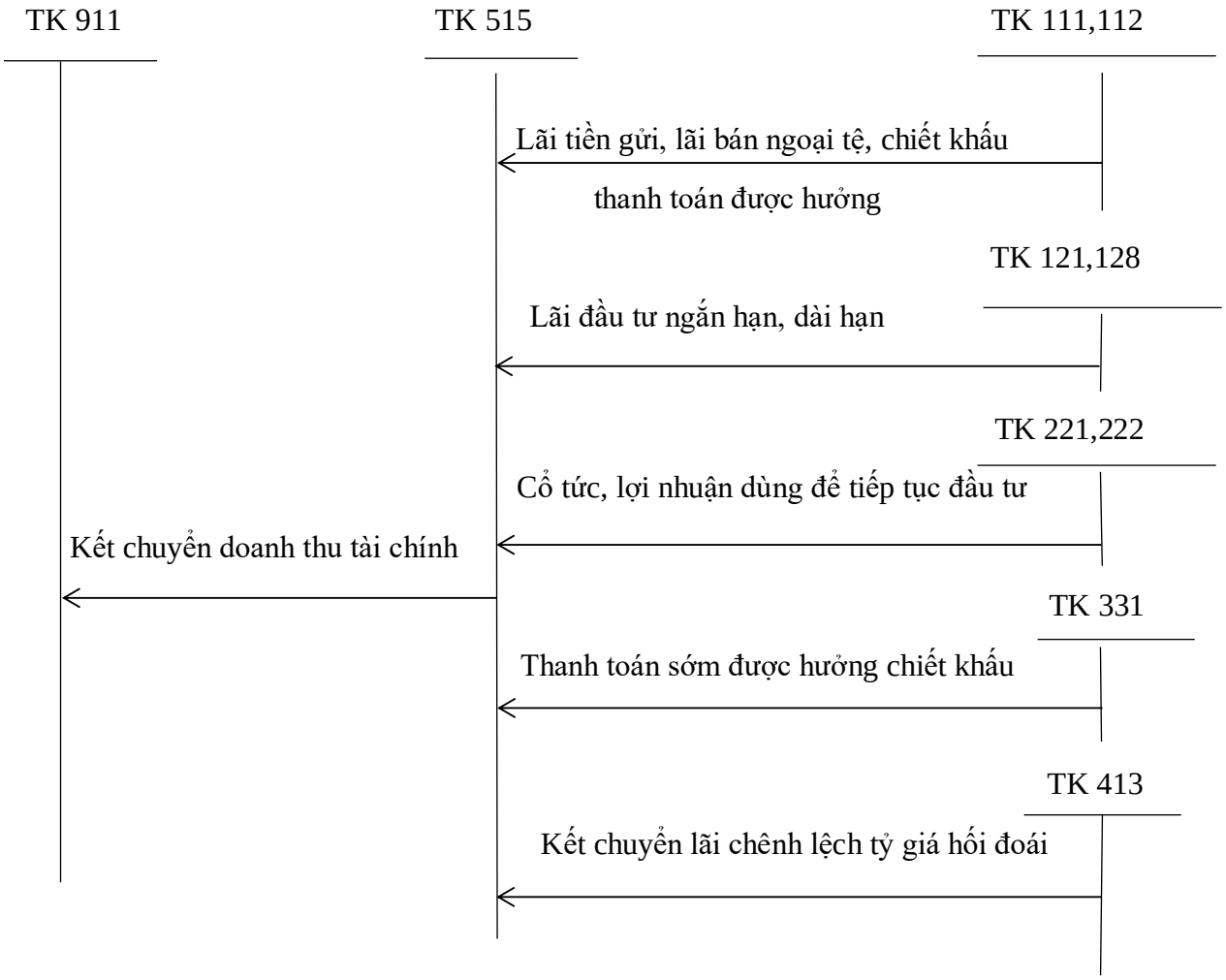

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7.2. *Kế toán chi phí tài chính*

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Phiếu chi.

❖ Giấy báo nợ.

❖ Các chứng từ khác liên quan.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính*: Tài khoản này phản ánh khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,…

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK 653	CÓ
❖ Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. ❖ Lỗ bán ngoại tệ. ❖ Chiết khấu thanh toán cho người mua. ❖ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. ❖ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. ❖ Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. ❖ Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác.		❖ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). ❖ Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. ❖ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 635 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

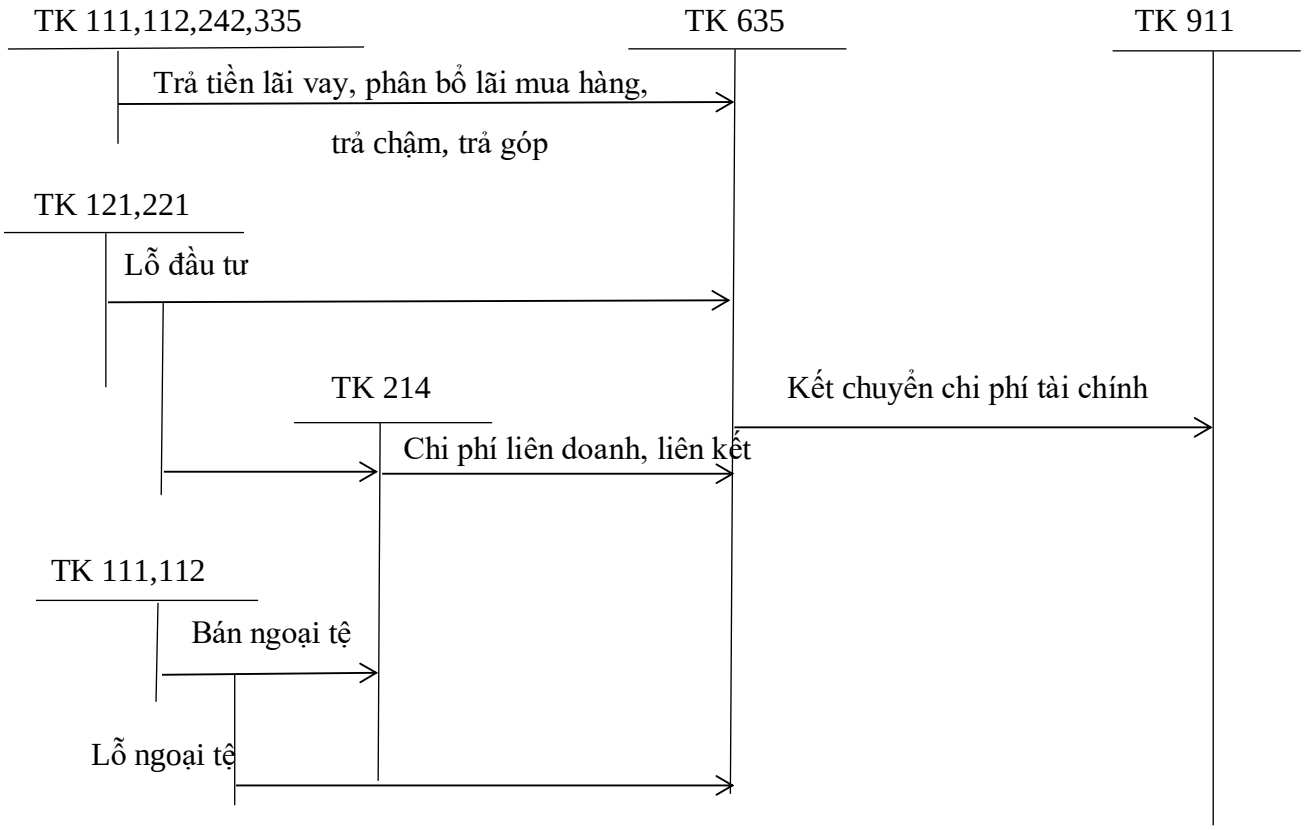

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.8. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.8.1. *Kế toán thu nhập khác*

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Phiếu thu, Báo có.

❖ Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 711- Thu nhập khác:* Tài khoản này phản ánh thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi xử lý đã xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, khoản tiền thưởng cho khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập từ quà từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật

của các tổ chức, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ, năm nay mới phát hiện ra.

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK 711	CÓ
❖ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. ❖ Cuối kỳ toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh.		❖ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TẢI KHOẢN 711 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

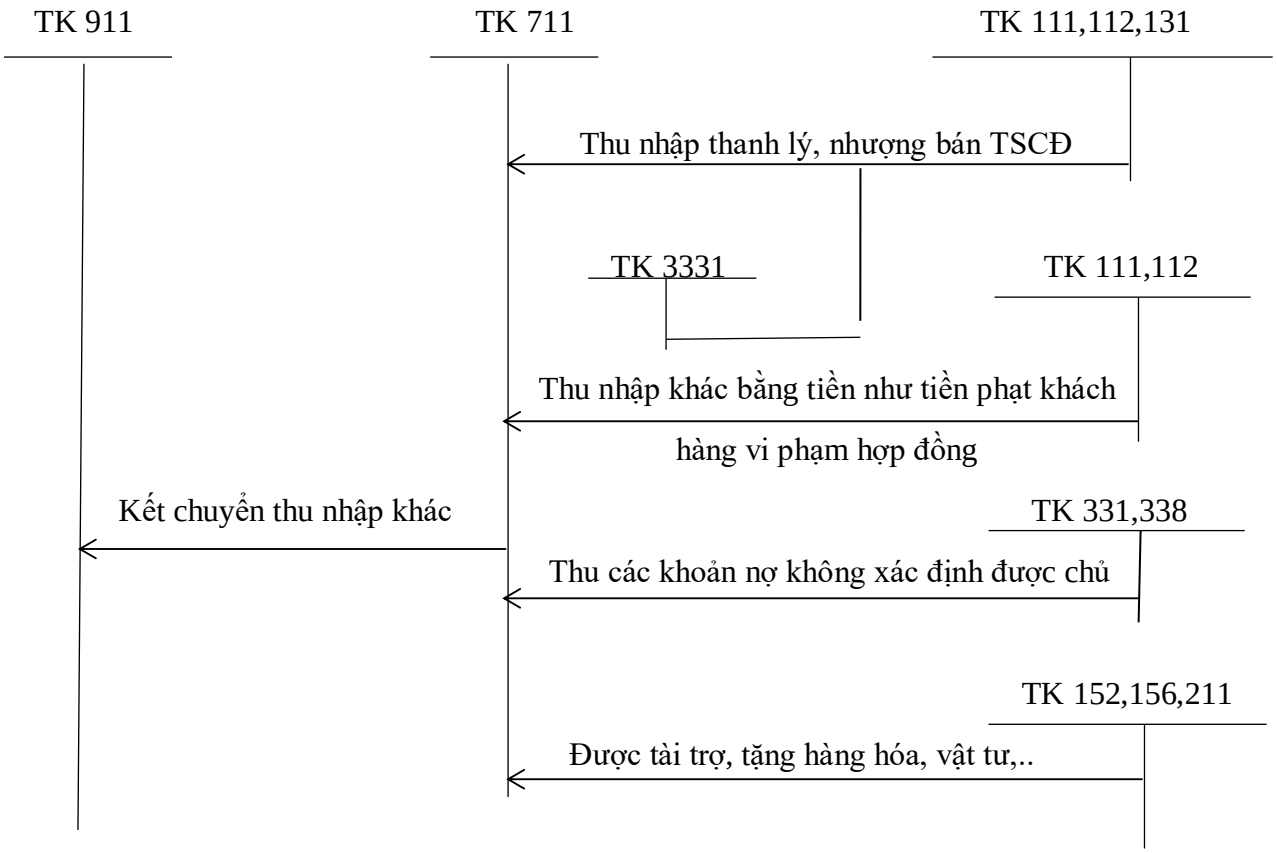

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch tán thu nhập khác

1.8.2. *Kế toán chi phí khác*

❖ *Chứng từ ghi sổ*

❖ Báo nợ, phiếu chi.

❖ Các chứng từ khác liên quan.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 811- Chi phí khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phát thuế, truy thu thuế, các khoản phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi số kế toán, các khoản phí khác

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK 811	CÓ
❖ Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		❖ Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TẢI KHOẢN 811 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*

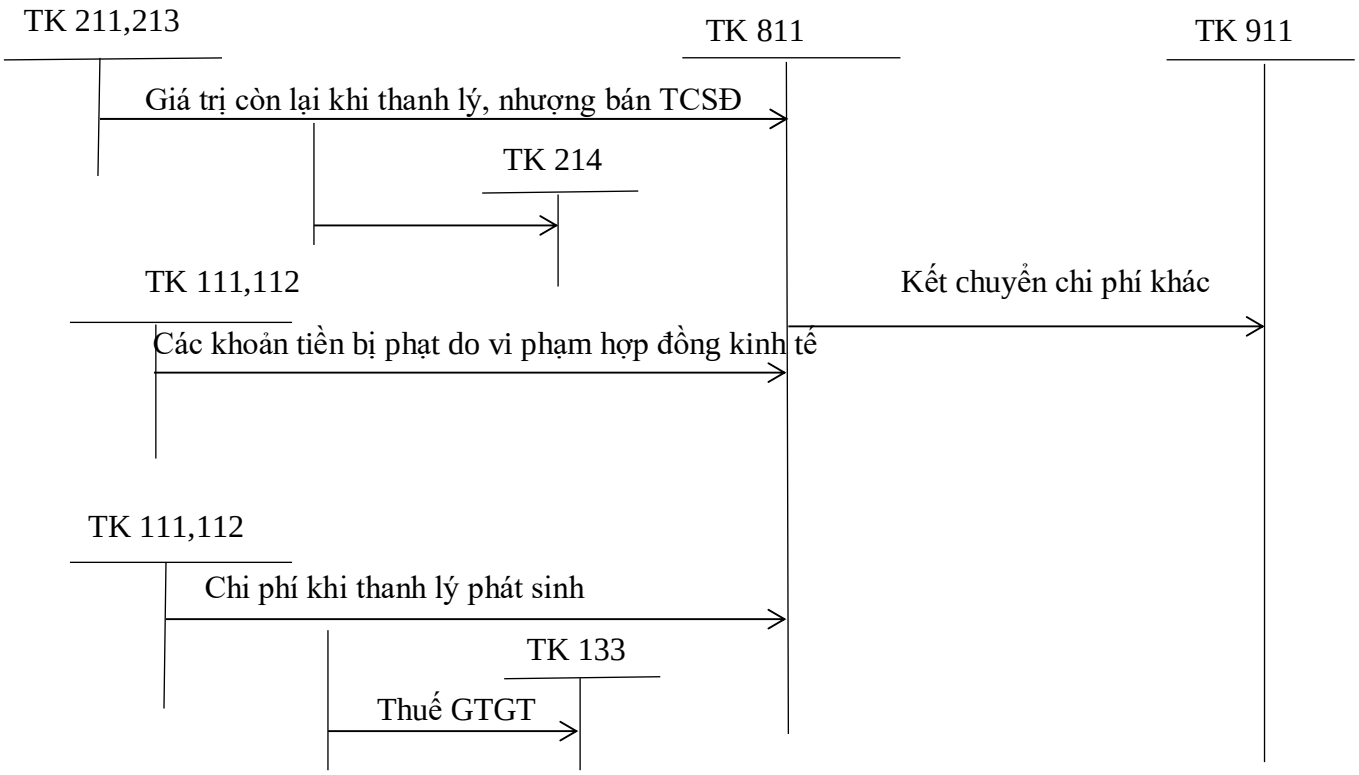

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác

1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

❖ *Chứng từ sử dụng*

❖ Phiếu kế toán

❖ Chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ *Tài khoản 911:* Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

❖ *Tài khoản 421:* Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2

+ Tài khoản 4211- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: Phản ánh kết quả kinh doanh , tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗi của các

năm trước. TK 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4211 "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" sang TK 4211 "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước".

+ *Tài khoản 4212- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay:* Phản ánh kết quả kinh doanh , tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗi của năm nay.

❖ *Tài khoản 821:* Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãi lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Tài khoản 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
+ Tài khoản 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ *Phương pháp hạch toán*

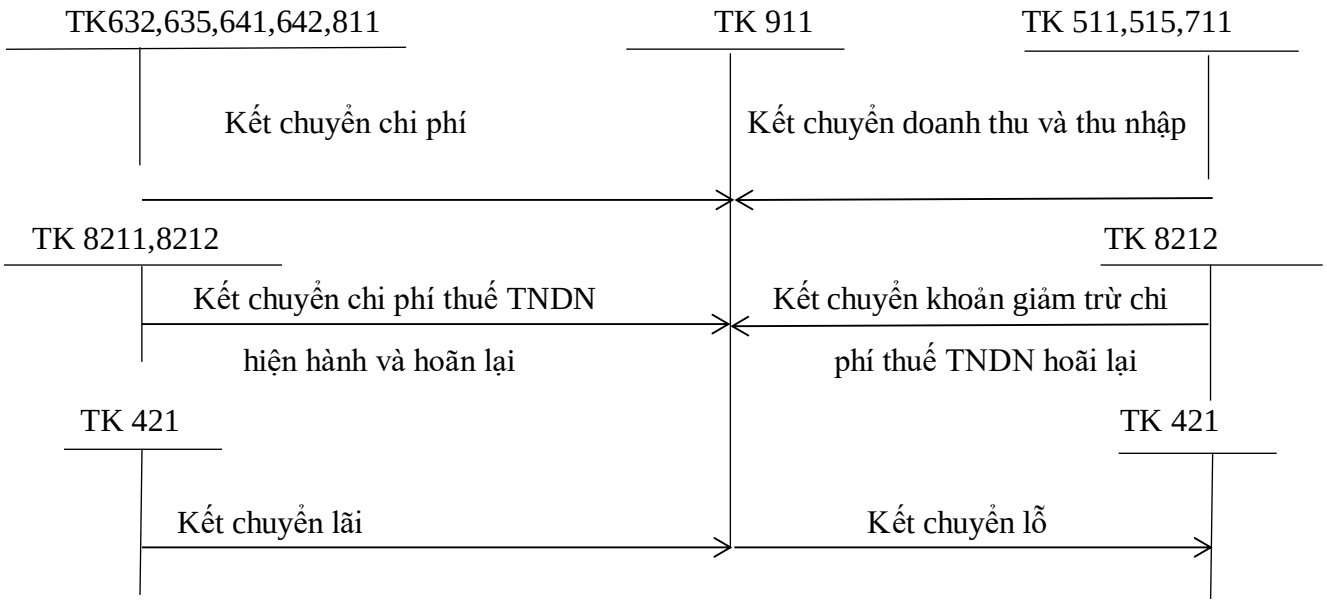

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.10. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200/2014 của bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

1.10.1. *Hình thức kế toán Nhật ký chung*

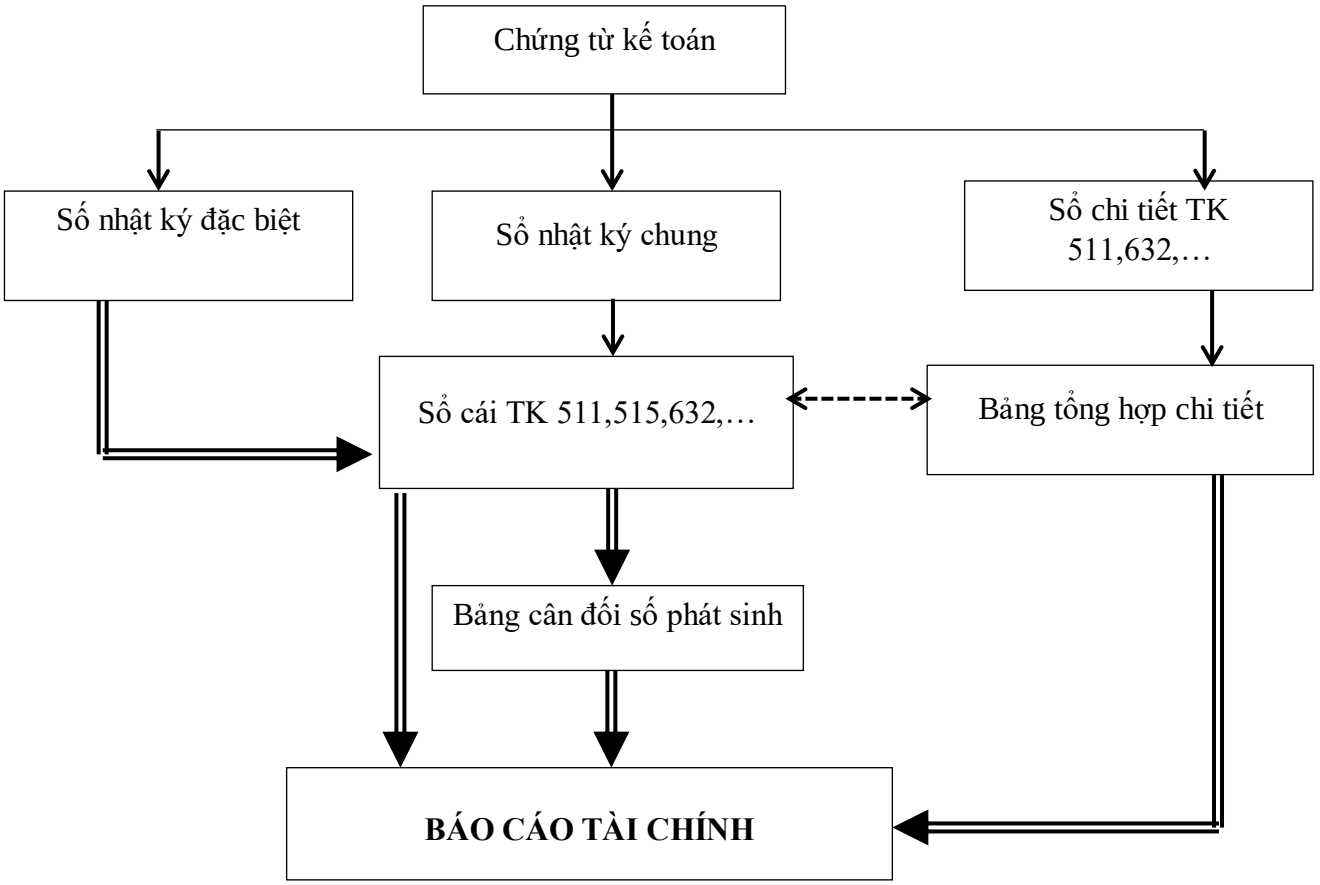

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi định kỳ

: Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung

1.10.2. *Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ*

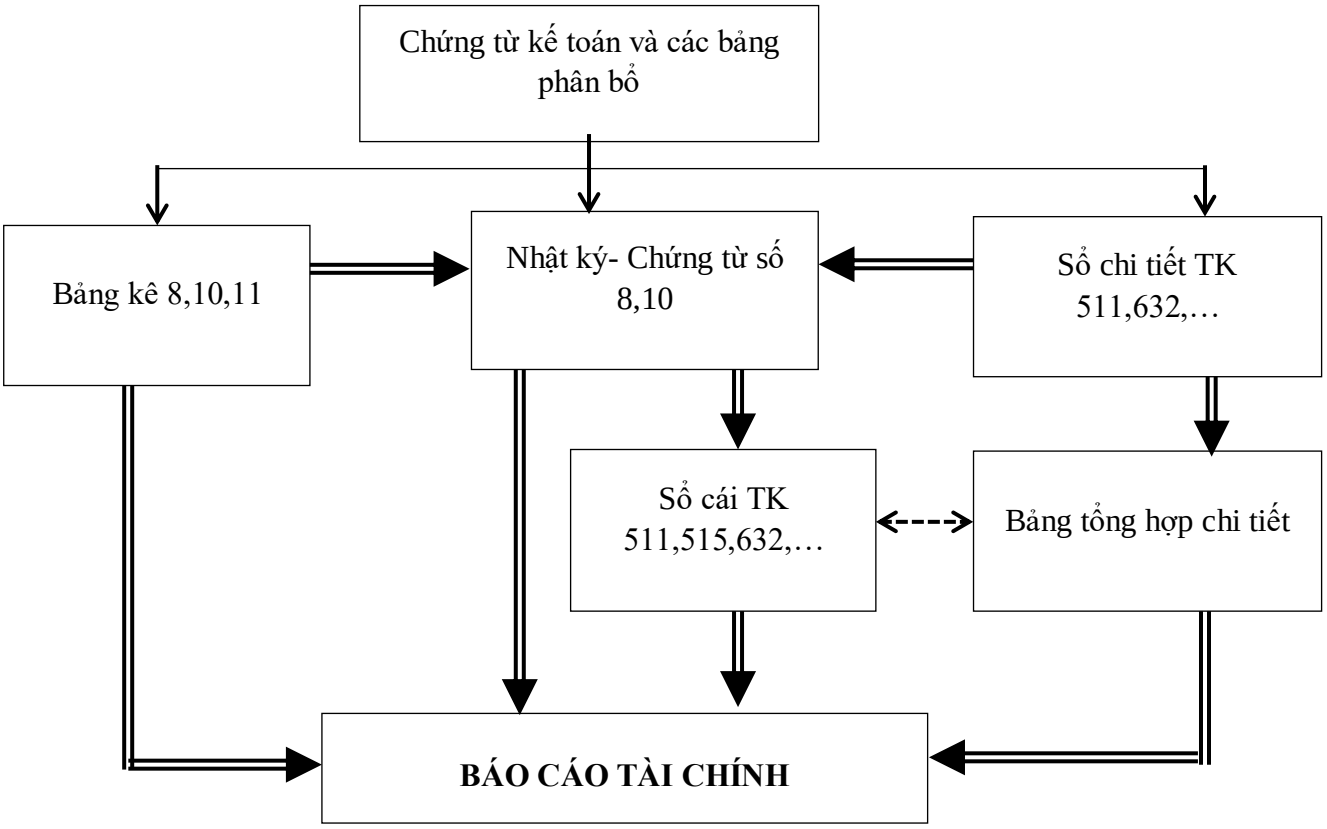

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi định kỳ

: Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ

1.10.3. *Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái*

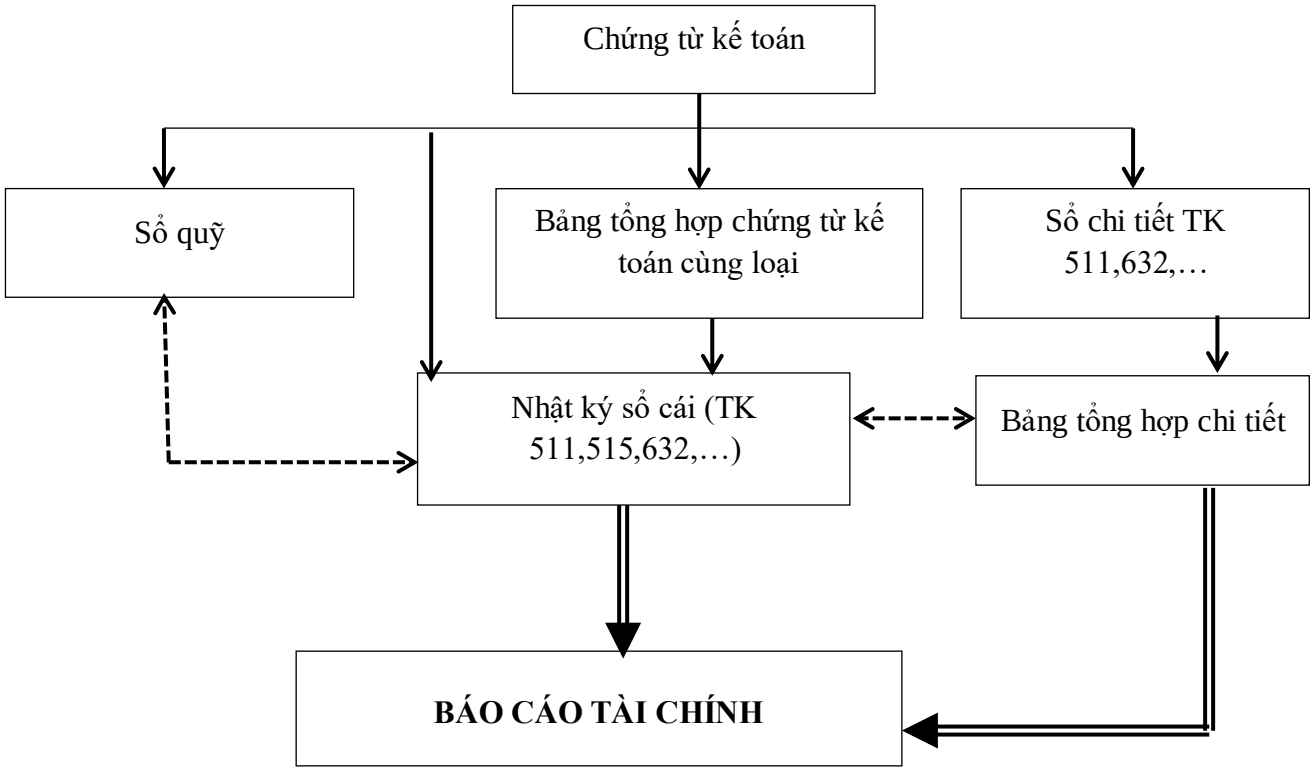

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi định kỳ

: Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.10.4. *Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ*

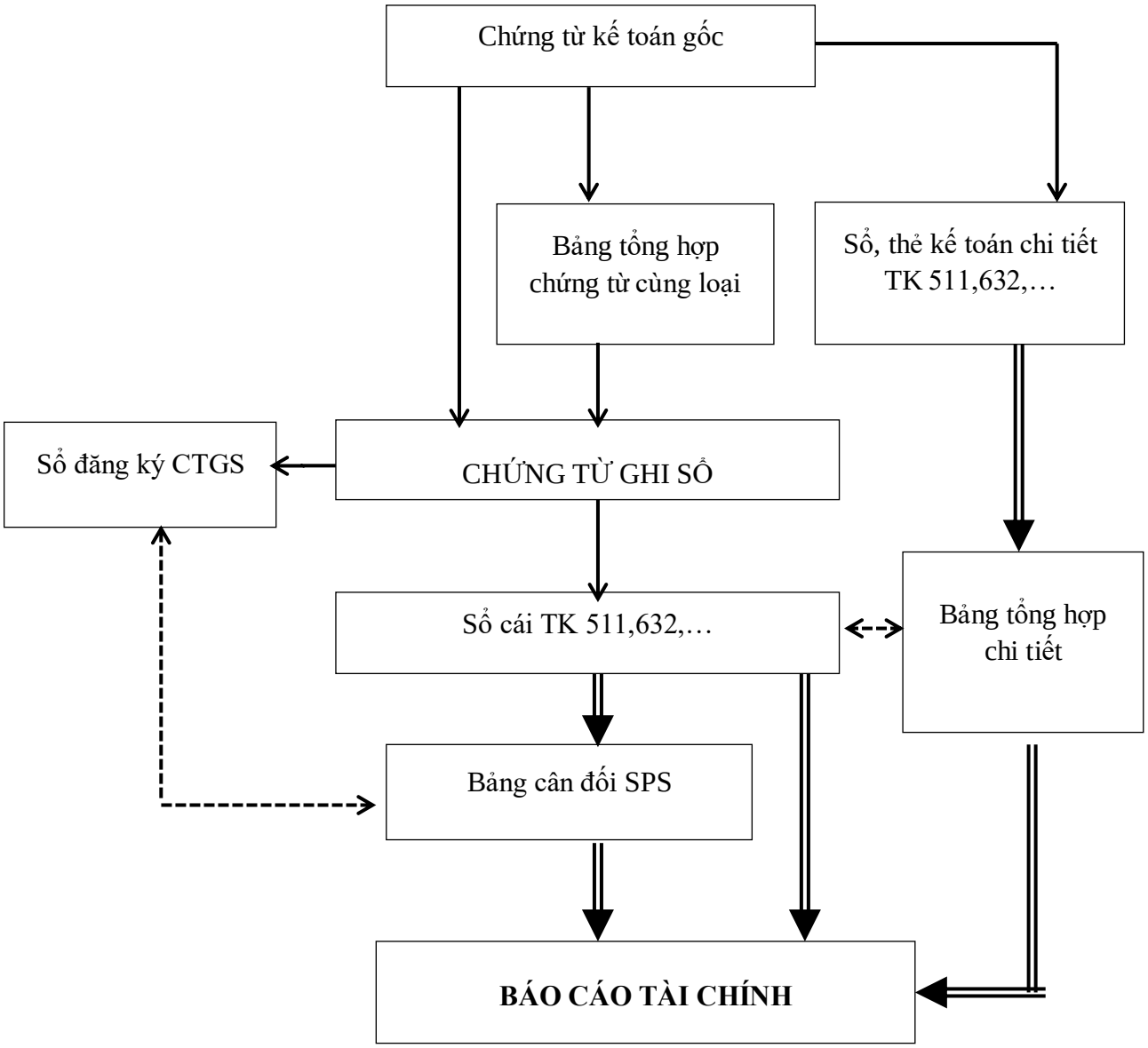

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi định kỳ

: Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.10.5. *Hình thức kế toán máy*

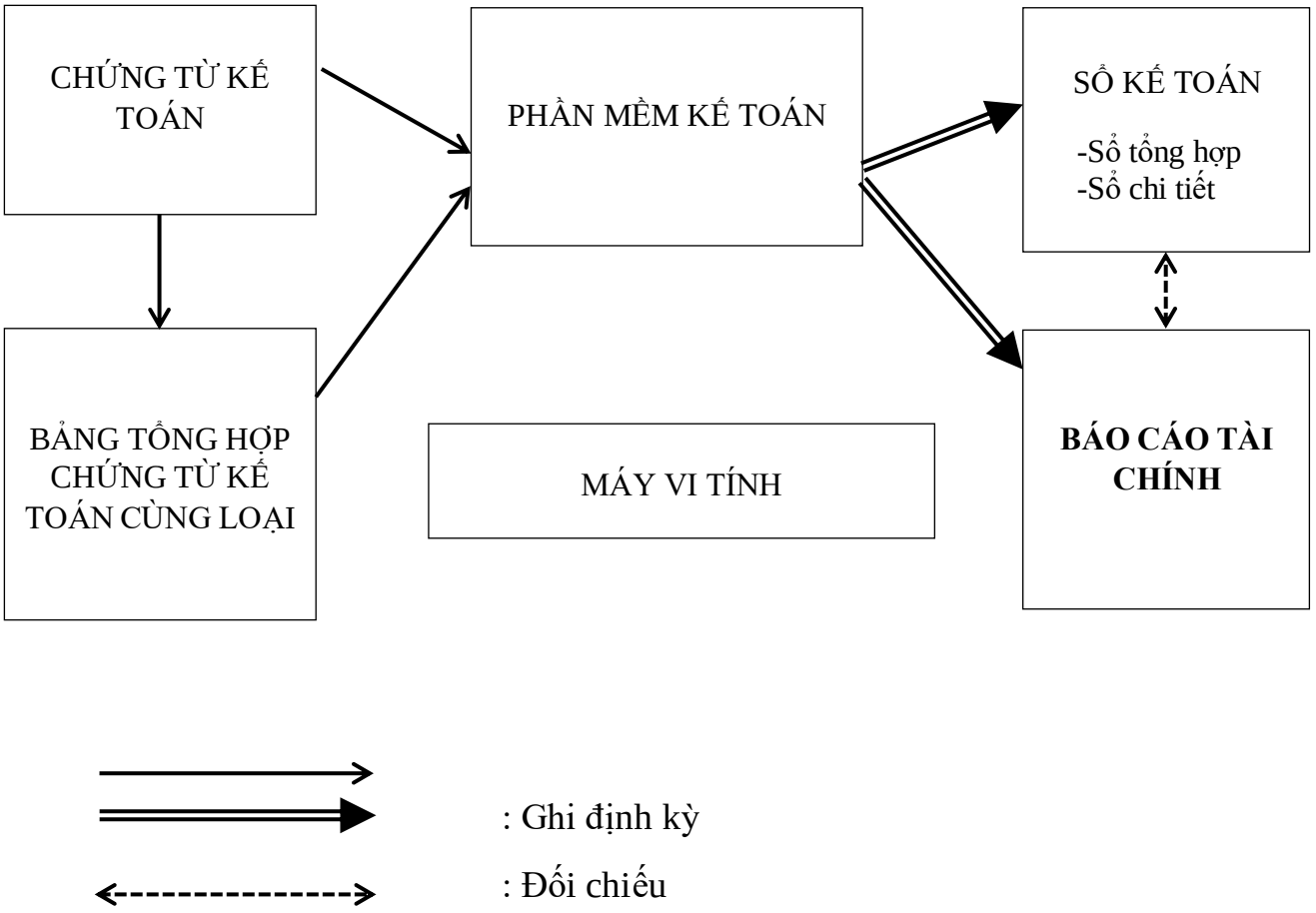

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II.
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86

2.1 Tổng quát về công ty TNHH Một thành viên 86

2.1.1. *Giới thiệu về công ty TNHH Một thành viên 86*

Công ty TNHH Một thành viên 86 (gọi tắt là công ty 86) là doanh nghiệp Quân đội trực thuộc Tổng công ty Đông Bắc-Bộ Quốc Phòng. Công ty có trụ sở chính tại Khu 1-phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh. Tiền thân công ty 86 là một đơn vị do phòng kinh tế binh chủng Pháo Binh quản lí có nhiệm vụ khai thác than cho nghành Hậu cần Quân đội.

Ngày 10/11/1986, Xí nghiệp khai thác than 86 được thành lập theo quyết định số 1359/QĐ-QP của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, giấy phép khai thác mỏ số 2771/V3 ngày 21/6/1986 do chủ tịch hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười kí.

Năm 1995 thực hiện chỉ thị 381/CT-TTg và quyết định số 382/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về lập lại trật tự khai thác than, Xí nghiệp khai thác than 86 được điều động về trực thuộc công ty Đông Bắc-Bộ quốc phòng với 2 nhiệm vụ chính là sản xuất, chế biến kinh doanh và huấn luyện quân dự bị động viên thuộc Lữ đoàn dự bị động viên 596 của Bộ quốc phòng trên vùng Đông Bắc của Tổ Quốc.

Cùng với sự phát triển của Tổng công ty than Việt Nam (Nay là tập đoàn công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam) và Công ty Đông Bắc (Nay là Tổng công ty Đông Bắc), Xí nghiệp khai thác than 86 được chuyển đổi thành công ty TNHH Một thành viên 86 trực thuộc Tổng công ty Đông Bắc theo quyết định số 222/2006/QĐ-BQP ngày 30/12/2006 do Bộ trưởng Bộ quốc phòng-Đại tướng Phùng Quang Thanh kí.

2.1.2. *Đặc điểm hoạt động của công ty TNHH Một thành viên 86*

Công ty chủ yếu là khai thác và sản xuất các loại than nguyên khai sau đó đưa về chế biến ra các loại than:

+ Than cục xô có độ tro A^k= 10% max, cỡ hạt: 25-250mm
+ Than cám 2 có độ tro A^k= 8,1-10% (A^kTB 9%)
+ Than cám 3a có độ tro A^k= 10,1-13% (A^kTB 12%)
+ Than cám 3b có độ tro A^k= 13,1-15% (A^kTB 14%)
+ Than cám 3c có độ tro A^k= 15,1-18% (A^kTB 16,5%)
+ Than cám 4 có độ tro A^k= 18-26% (A^kTB 22%)

+ Than cám 5 có độ tro A^k= 26,1-30% (A^kTB 29%)
+ Than cám 6 có độ tro A^k= 33-45% (A^kTB 39%)
+ Phôi cục 5 có độ tro A^kTB=10% cỡ hạt 6-18mm
+ Phôi cục 4 có độ tro A^kTB=10% cỡ hạt 15-35mm

Ngoài ra công ty còn được phép kinh doanh đa nghành như khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản khác; sản xuất và kinh doanh vật kiệu xây dựng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; gia công lắp ráp các sản phẩm cơ khí; đại tu phương tiện vận tải và thiết bị công nghiệp; vận tải đường bộ đường thủy; đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng,...

2.1.3.*Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Một thành viên 86.*

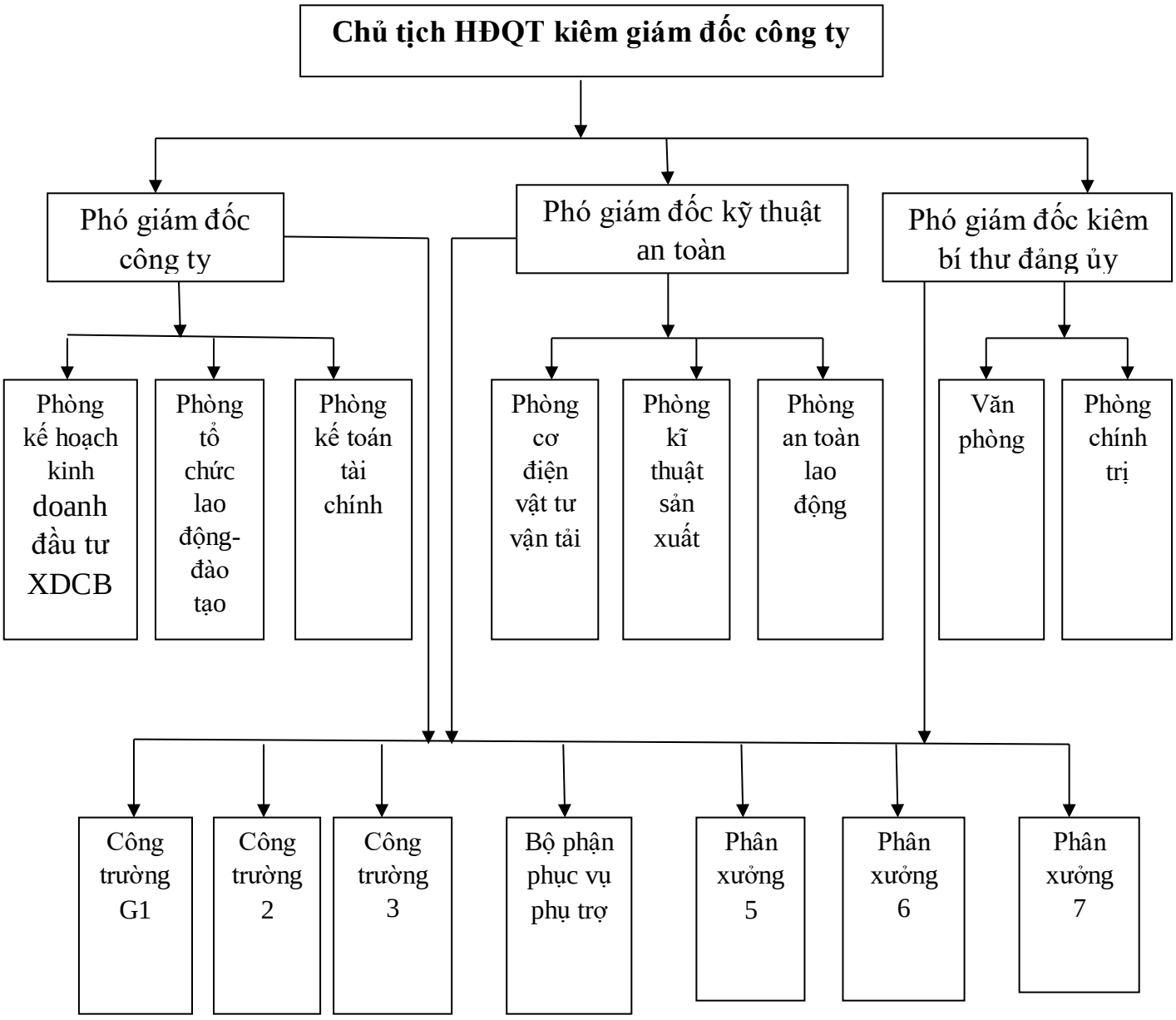

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Một thành viên 86

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

- **Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc công ty**: có nhiệm vụ điều hành mọi sản xuất kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm pháp nhân trước nhà nước và Bộ quốc phòng, tập đoàn CN than-khoáng sản Việt Nam trong quá trình hoạt động của công ty.

- **Phó giám đốc kinh tế**: phụ trách về hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty, trực tiếp chỉ đạo diều hành hoạt động của phòng kế hoạch kinh doanh-đầu tư XDCB, phòng tổ chức lao động-đào tạo, phòng kế toán-tài chính.

- **Các phó giám đốc-phó giám đốc kĩ thuật an toàn**: phụ trách khâu kỹ thuật khai thác, trực tiếp chỉ đạo điều hành hoạt động của phòng kĩ thuật sản xuất, phòng an toàn lao động, phòng cơ điện-vật tư-vận tải.

- **Phó giám đốc chính trị bí thử Đảng ủy:** phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị của công ty, trực tiếp chỉ đạo điều hành hoạt động của văn phòng, phònh chính trị.

- **Phòng kế hoạch kinh doanh đầu tư xây dựng cơ bản:**tham mưu giúp cho lãnh đạo công ty về công tác kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, kế hoạch giá thành, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, công tác sản xuất kinh doanh của công ty. Chủ trì công tác đầu tư mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho sản xuất, đôn đốc-phối hợp các phòng cơ quan thực hiện.

-**Phòng tổ chức lao động đào tạo**: tổ chức lực lượng lao động để phù hợp với năng lực sản xuất và đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ của cơ quan nghiệp vụ. Lập và xây dựng đơn giá tiền lương cho các loại công việc theo cơ chế khoán nội bộ cho từng công đoạn sản xuất. Có kế hoạch hàng năm bồi dưỡng nâng cao tay nghề bậc thợ cho đội ngũ công nhân lao động. Giải quyết các chế độ chính sách cho CBCNV khi đang công tác và nghỉ chế độ.

- **Phòng kế toán tài chính:** tổ chức công tác kế toán, công tác thống kê và bộ máy kế toán thống kê phù hợp với quy định của nhà nước, tổng công ty và mô hình tổ chức quản lý công ty. Bộ máy kế toán thống kê phải gọn nhẹ, đủ năng lực và trình độ nghiệp vụ để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Lập kế hoạch chính trong năm, có kế hoạch vay, đầu tư kịp thời cho sản xuất, tổ chức ghi chép hạch toán, quyết toán kịp thời. Lập báo cáo tài chính theo dõi chế độ mệnh lệnh kế toán.

-**Phòng cơ điện-vật tư-vận tải**: tìm kiếm khai thác thị trường, mua sắm vật tư thiết bị phụ tùng, cung cấp kịp thời các thiết bị, nguyên vật liệu cho sản xuất, quản lí các thiết bị của đơn vị. Chỉ đạo công tác sửa chữa phục hồi các thiết bị phương tiện đảm bảo cho sản xuất.

-**Phòng kĩ thuật sản xuất**: lập kế hoạch khai thác tiến độ thời gian, chỉ đạo kĩ thuật trong khai thác theo thiết kế, hộ chiếu. Theo dõi quản lí kế hoạch khai thác tài nguyên, quản lí ranh giới mỏ.

-**Phòng an toàn lao động**: tổ chức huấn luyện, học tập các nội quy, quy định về công tác an toàn cho các cán bộ chiến sỹ, xây dựng kế hoạch phòng chống sự cố mất an toàn có thể xảy ra. Thường xuyên kiểm tra công tác an toàn lao động ở các vị trí làm việc trong công ty.

-**Văn phòng**: quản lí cơ sở vật chất trang thiết bị văn phòng, phục vụ hành chính, công tác hậu cần, công tác y tế, tổ chức các hội nghị, học tập trong công ty, lưu trữ cấp phát tài liệu công văn giấy tờ,...

-**Phòng chính trị**: tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Đảng, nắm vững tình hình diễn biến tư tưởng các bộ, công nhân viên toàn đơn vị, phụ trách công tác thi đua và công tác đoàn thể của đơn vị.

2.1.4. *Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Một thành viên 86.*

2.1.4.1. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Một thành viên 86

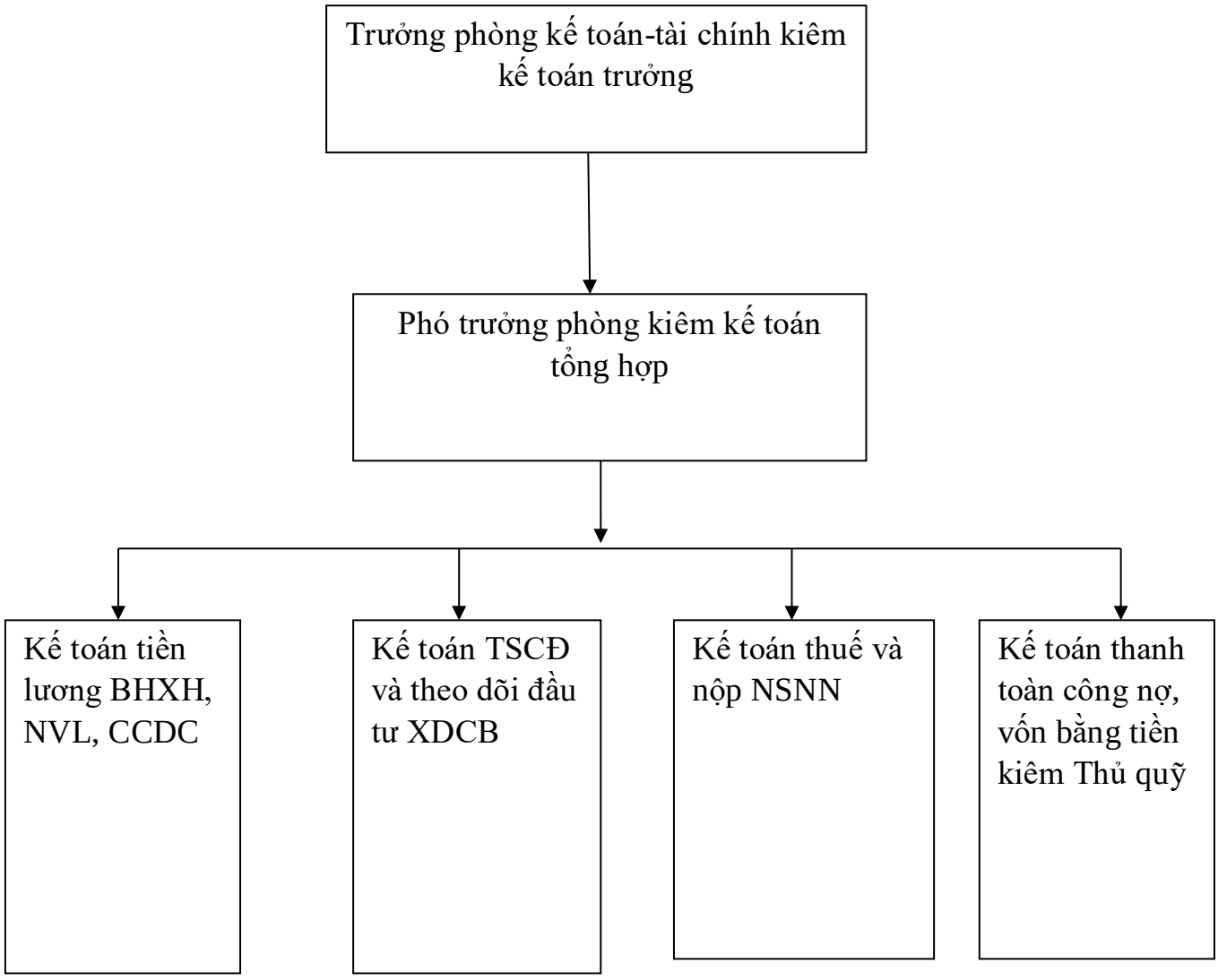

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Một thành viên 86

- **Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng KTTC:** là người giúp việc cho giám đốc về công tác chuyên môn, phổ biến chỉ đạo công tác chuyên môn cho phó phòng và các nhân viên kế toán,chịu trách nhiệm trước giám đốc cấp trên và các cơ quan chức năng của nhà nước về tình hình thực hiện công tác kế toán tài chính, là người kiểm tra tình hình hạch toán, huy động vốn. Kế toán trưởng có trách nhiệm quản lí tài sản, cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời, toàn diện để BGĐ đưa ra quyết định kinh doanh.

- **Phó trưởng phòng kiêm kế toán tổng hợp:** giúp việc cho trưởng phòng kiêm kế toán trưởng, trực tiếp thực hiện công tác tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sran phẩm: ccăn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm chi phí, đặc điểm của sản phẩm và yêu cầu tổ chức sản xuất, yêu cầu của công tác quản lý của công ty để xác định đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí

sản xuất kinh doanh, đối tượng và phương pháp tính giá hành phù hợp. Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí SXKD theo khoản mục chi phí và theo yếu tố phát sinh trong mỗi lỳ kế toán. Thường xuyên kiểm tra, đối hiếu định kỳ phân tích tình hình định mức, chi phí đối với chi phí trực tiếp. các dự toán chi phí đối với chi phí sản xuất chung, chi phí QLDN và chi phí BH. Hàng tháng tổ chức đánh giá kiểm kê sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.

- **Kế toán tiền lương - BHXH - NVL - CCDC:** Có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời chính xác về tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản trích theo lương. Tính toán phân bổ chính xác chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí NVL, CCDC hàng tháng, quý vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- **Kế toán TSCĐ và theo dõi đầu tư XDCB:** Có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác về số lượng, giá trị và tình hình TSCĐ hiện có, tính toán phân bổ chính xác số khấu hao TSCĐ vào chi phí XSKD. Tham gia dự toán chi phí nâng cấp, cải tạo TSCĐ, chi phí sửa chữa TSCĐ. Mở sổ theo dõi các loại TSCĐ huy động vào sản xuất, không dùng đến, chờ thanh lý hoặc đang trong quá trình luân chuyển, đối chiếu đánh giá số lượng, chát lượng TSCĐ... giữa sổ sách và thực tế trong các kỳ kiểm kê theo theo thời điểm quy định, làm báo cáo kiểm kê TSCĐ phối hợp cùng kế toán giá thành và các đơn vị liên quan xác định giá trị hao mòn của TSCĐ khi thm gia vào các hoạt động XSKD của công ty. Phản ánh với cấp trên về tình hình thực hiện dự toán, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chế độ hạch toán kế toán và quyết toán các công trignh XDCB của công ty. Trực tiếp hoàn thiện hồ sơ quyết toán, kiểm toán XDCB, kiểm tra và trình duyệt quyết toán các công trình XDCB phối hợp với phòng kế hoạch kinh doanh-đầu tư XDCB theo dõi tiến độ thi công các công trình XDCB phục vụ cho SXKD. Tham gia nghiệm thu đánh giá chất lượng, gia trị các công trình XDCB đã hoàn tất và đưa vào tham gia phục vụ SXKD. Lập báo cáo thống kê định kỳ công tác XDCB.

- **Kế toán thuế và nộp NSNN:** làm về thu các khoản thuế phải nộp cấp trên và ngân sách nhà nước.

- **Kế toán thanh toán công nợ, vốn bằng tiền kiêm thủ quỹ:** theo dõi chi tiết công nợ của từng hách hàng để có kế hoạch trả nợ hoặc đòi nợ, thoe dõi chi tiết thanh toán tạm ứng và thanh toán nội bộ công ty. Thường xuyên kiểm tra thu

chi tiền mặt và TGNH vào sổ cạp nhật và cuối ngày đưa ra số tồn quỹ và đối chiếu với quỹ tiền mặt hoặc với ngân hàng. Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý thu chi tiền mặt khi có chứng từ hợp lệ, cuối ngày đối chiếu số dư trên tài khoản 111 phải trùng với tiền mặt tại quỹ để đảm bảo cho tiền mặt nhập quỹ một cách thuận tiện kh có quyết định của cấp trên. Cuối tháng lập báo cáo nộp cho kế toán tổng hợp.

2.1.4.2. Chế độ kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Một thành viên 86

a) Chế độ kế toán

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014.

- Niên độ kế toán từ ngày 01/01 và đến ngày 31/12 hàng năm
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật kí chung

+ Đồng tiền hạch toán: quy đổi về tiền Việt Nam Đồng

+ Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đòng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: thoe tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Phương pháo tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: nhập trước xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

b) Tại công ty TNHH MTV 86 áp dụng hình thức ghi sổ kế toán là hình thức Nhật Kí Chung

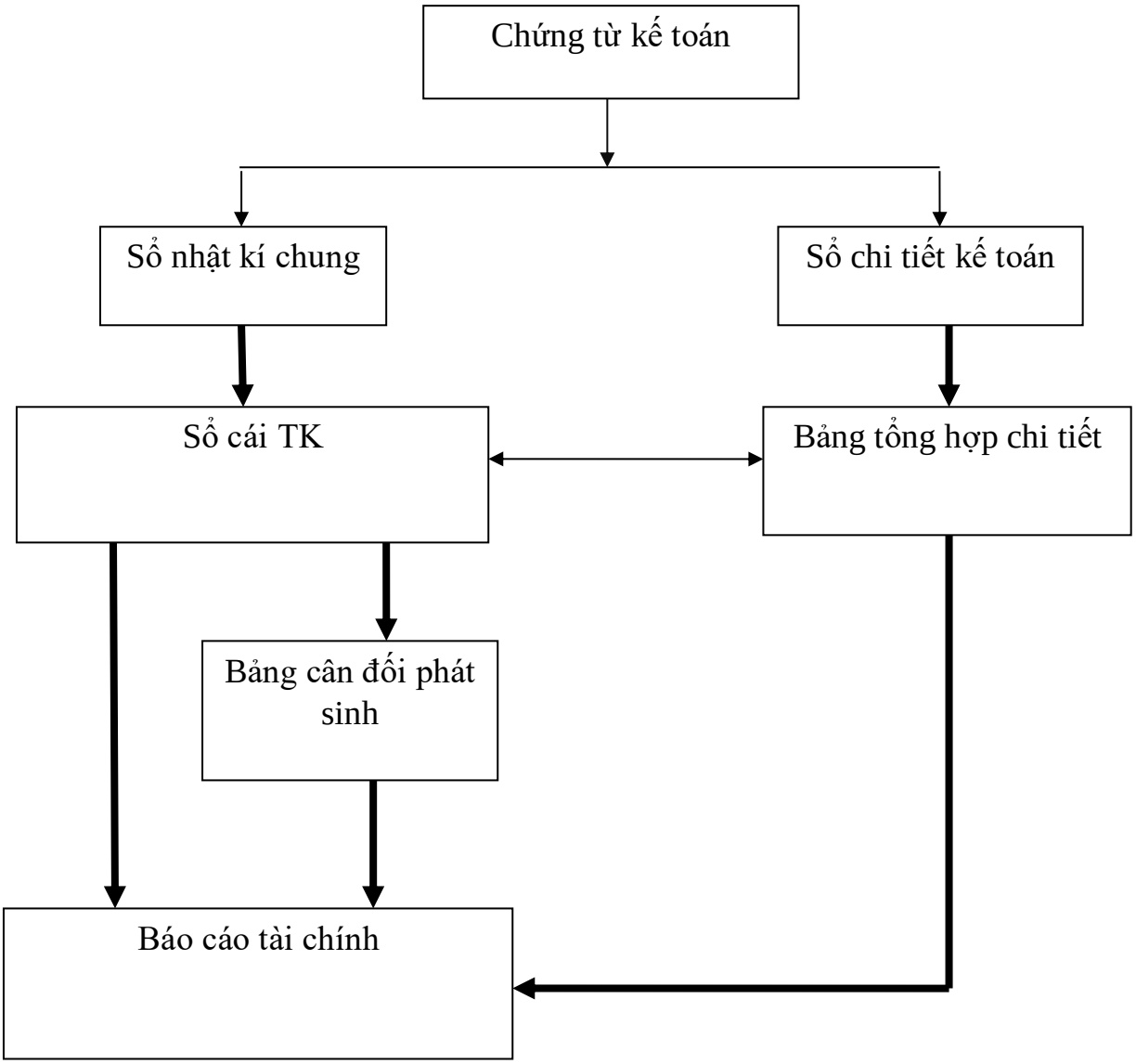

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên 86

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: ——→
- Ghi cuối tháng hoặc định kì: ⟹
- Đối chiếu, kiểm tra: ←→

Ghi sổ kế toán diễn ra hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi vào sổ NKC và các sổ cái có liên quan

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Một thành viên 86

2.2.1. *Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Một thành viên 86*

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng

  - Hóa đơn GTGT
  - Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có...
  - Chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng

  -Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng

- Sổ sách kế toán sử dụng

  - Sổ nhật kí chung
  - Sổ cái TK 511

- Ví dụ:

Ví dụ 1: Ngày 12/12/2016 Công ty xuất bán 15 tấn than cám 3a cho công ty than Dương Huy theo HĐ0000189 (Biểu 2.1) với đơn giá 1.500.000đ/tấn, thuế 10% chưa thanh toán.

- Định khoản:

Nợ 131 : 24.750.000
Có 511 : 22.500.000
Có 3331: 2.250.000

- Căn cứ vào HĐ000189 (Biểu 2.1) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung (Biểu 2.5)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000189

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: PL/16P
Liên 3: Nội bộ Số : 0000189
Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86**
Địa chỉ: Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản: 44110000000138
Điện thoại: 0203 3869 920- Fax: 0203 3862286 MST: 5700639834

Họ và tên người mua hàng: Hoàng Thị Ngọc
Tên đơn vị: Công ty than Dương Huy
Địa chỉ: Phường Cẩm Thạch-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản: 4411 0000 0000 77
Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 5700100256-032

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Than cám 3a	tấn	15	1.500.000	22.500.000
Cộng tiền hàng:					22.500.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	2.250.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					24.750.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Người mua hàng	Người bán hàng	Giám đốc
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Ví dụ 2: Ngày 14/12/2016 Công ty xuất bán 26.5 tấn than cục xô cho Công ty Cổ phần than Núi Béo-VINACOMIN theo HĐ0000397 với đơn giá 2.150.000đ/tấn,thuế 10% đã thanh toán bằng chuyển khoản.

- Định khoản:

Nợ TK 112: 62.672.500

Có TK 511: 56.975.000

Có TK 3331: 5.697.500

- Căn cứ vào HĐ0000397 (Biểu 2.2) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung (Biểu 2.5)

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000397

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: PL/16P
Liên 3: Nội bộ Số : 0000397
Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86**
Địa chỉ: Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản: 44110000000138
Điện thoại: 0203 3869 920 - Fax: 0203 3862286 MST: 5700639834

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Đăng Minh
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần than Núi Béo
Địa chỉ: Số 799 - Lê Thánh Tông - Tp.Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản: 0141000000815
Hình thức thanh toán: Chuyển Khoản MST: 57 001 017 00

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Than cục xô	tấn	26.5	2.150.000	56.975.000
Cộng tiền hàng:					56.975.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	5.697.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					62.672.500

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Giám đốc
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2016 Công ty bán 13.3 tấn than cám 6 cho công ty Cổ phần than Mông Dương theo HĐ0000698 với giá 1.125.000đ/tấn,thuế 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Định khoản:

Nợ TK 111 : 16.459.850

Có TK 511 : 14.963.500

Có TK 3331: 1.496.350

- Căn cứ vào HĐ0000698 (Biểu 2.3) và phiếu thu (Biểu 2.4) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung(Biểu 2.5)

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000698

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: PL/16P
Liên 3: Nội bộ Số : 0000698
Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86**
Địa chỉ: Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản: 44110000000138
Điện thoại: 0203 3869 920 - Fax: 0203 3862286 MST: 5700639834

Họ và tên người mua hàng: Bùi Tiến Mạnh
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần than Mông Dương
Địa chỉ: Phường Mông Dương - Tp.Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản: 0141000000815
Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 57 001 01 203

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Than cám 6	tấn	13.3	1.125.000	14.963.500
Cộng tiền hàng:					14.963.500
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	1.496.350
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.459.850

Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi.

Người mua hàng	Người bán hàng	Giám đốc
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.4: Phiếu thu

Công ty TNHH Một thành viên 86 **Mẫu số 02 - TT**

Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2016 Số: PT11/12

Nợ TK : 111

Có TK : 511

Có TK :3331

Họ và tên người nộp :

Địa chỉ : Công ty Cổ phần than Mông Dương

Lý do chi : Thanh toán tiền mua hàng HD0000698

Số tiền : 16.459.850

Bằng chữ : Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi

Kém theo : Chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Gián đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nộp tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.5: Sổ Nhật Kí Chung

Công ty TNHH Một thành viên 86 Mẫu số S03a -DN

Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			…..			
12/12/16	HD 0000189	12/12/16	Doanh thu bán than cám 3a	131	24.750.000	
				511		24.750.000
			…..			
14/12/16	HD 0000397	14/12/16	Doanh thu bán than cục xô	112	62.672.500	
				511		62.672.500
			…..			
15/12/16	HD 0000698	15/12/16	Doanh thu bán than cám 6	111	16.459.850	
				511		16.459.850
			…..			
			Cộng phát sinh		**2.980.145.865.786**	**2.980.145.865.786**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào sổ Nhật kí chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (Biểu 2.6)

Biểu 2.6: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
			……			
12/12/16	HD 0000189	12/12/16	Doanh thu bán than cám 3a	131		24.750.000
			……			
14/12/16	HD 0000397	14/12/16	Doanh thu bán than cục xô	112		62.672.500
			……			
15/12/16	HD 0000698	15/12/16	Doanh thu bán than cám 6	111		16.459.850
			……			
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	159.251.900.389	
			Cộng số phát sinh		**159.251.900.389**	**159.251.900.389**
			SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- Chứng từ sử dụng
  - Phiếu xuất kho
  - Chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
  - Tài khoản 632 - Giá vốn bán hàng
- Sổ sách kế toán sử dụng
  - Sổ Nhật kí chung
  - Sổ cái 632
- Ví dụ

- Ví dụ 1: Ngày 12/12/2016 Công ty xuất bán 15 tấn than cám 3a cho công ty than Dương Huy theo HĐ0000189 (Biểu 2.1)

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.8), kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản (Biểu 2.7), sổ Nhật kí chung (Biểu 2.9), sổ cái TK 632 (Biểu 2.10) và các sổ sách khác có liên quan. Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước, kế toán lấy 15 tấn than cám 3a với đơn giá 1.350.000đ/tấn (ngày 12/12 là lần đầu xuất bán than cám 3a).

Dựa vào phiếu xuất kho số 240 kế toán định khoản giá vốn hàng bán

Nợ TK 632 : 20.250.000

Có TK 155 : 20.250.000

Từ đó ghi vào sổ Nhật kí chung (Biểu 2.9)

Biểu 2.7: Phiếu xuất kho số 240

Công ty TNHH Một thành viên 86 Mẫu số 02 –VT
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2016
Số 240

Nợ TK 632
Có TK 155

Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Thị Ngọc
Đơn vị: Công ty than Dương Huy
Lý do xuất: Xuất hàng bán
Xuất tại kho:

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Than cám 3a		Tấn	15	15	1.350.000	20.250.000
	Cộng						20.250.000

Tổng tiền (bằng chữ): Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.

Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.8: Sổ chi tiết NVL, CCDC (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S10–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản 155

Tên quy cách: Than cám 3a

Đơn vị tính: tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SDĐK		1.350.000					3500	4.725.000.000
PXK 204	12/12	Xuất hàng theo HĐ0000189	632	1.350.000			15	20.250.000	3485	4.704.750.000
		….								
		Cộng SPS					1200	1.620.000.000		
		SDCK							2300	3.105.000.000

Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Ví dụ 2: Ngày 14/12/2016 Công ty xuất bán 26.5 tấn than cục xô cho Công ty Cổ phần than Núi Béo-VINACOMIN theo HĐ0000397 (Biểu 2.2)

Dựa vào sổ chi tiết thành phẩm (Biểu 2.11) kế toán lập phiếu xuất kho số 256 (Biểu 2.12). Để xác định được giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước kế toán lấy số lượng 26.5 tấn than cục xô với đơn giá 1.050.000đ/tấn (do đây là lần đầu xuất kho bán than cục xô)

Dựa vào phiếu xuất kho số 256 kế toán định khoản giá vốn hàng bán

Nợ TK 632 : 27.825.000

Có TK 155 : 27.825.000

Từ đó ghi vào sổ Nhật kí chung (Biểu 2.9)

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 256

Công ty TNHH Một thành viên 86 Mẫu số 02 –VT
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 12 năm 2016
Số 256

Nợ TK 632
Có TK 155

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Đăng Minh
Đơn vị: Công ty Cổ phần than Núi Béo
Lý do xuất: Xuất hàng bán
Xuất tại kho:

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Than cục xô		Tấn	26.5	26.5	1.050.000	27.825.000
	Cộng						27.825.000

Tổng tiền (bằng chữ): Hai bảy triệu tám trăm hai lăm nghìn đồng

Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.12: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S10–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 14 năm 2016
Tài khoản 155
Tên quy cách: Than cục xô
Đơn vị tính: tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SDĐK		1.050.000					5600	5.880.000.000
PXK 256	14/12	Xuất hàng theo HĐ0000397	632	1.050.000			26.5	27.825.000	5573.5	5.852.175.000
		….								
		Cộng SPS					3080	3.234.000.000		
		SDCK							2520	2.646.000.000

Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2016 Công ty bán 13.3 tấn than cám 6 cho công ty Cổ phần than Mông Dương thoe HĐ0000698 (Biểu 2.4). Dựa vào sổ chi tiết thành phẩm (Biểu 2.13) và Phiếu xuất kho số 261 (Biểu 2.14). Để xác định được giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước kế toán lấy số lượng 13.3tấn than cám 6 với với đơn giá 950.000đ/tấn (do đây là lần đầu xuất kho bán than cám 6)

Căn cứ vào phiếu xuất kho 261 kế toán tiến hành định khoản giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632 : 12.635.000

Có TK 155 : 12.635.000

Từ đó ghi vào sổ Nhật kí chung (Biểu 2.9)

Biểu 2.13: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S10–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 15 năm 2016
Tài khoản 155
Tên quy cách: Than cám 6
Đơn vị tính: tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SDĐK		950.000					8650	8.217.500.000
PXK 261	15/12	Xuất hàng theo HĐ0000698	632	950.000			13.3	12.635.000	8636.7	8.204.865.000
		….								
		Cộng SPS					5230	4.968.500.000		
		SDCK							3420	3.249.000.000

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.14: Phiếu xuất kho số 261

Công ty TNHH Một thành viên 86 Mẫu số 02 –VT
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2016
Số 261

Nợ TK 632
Có TK 155

Họ và tên người nhận hàng: Bùi Tiến Mạnh
Đơn vị: Công ty Cổ phần than Mông Dương
Lý do xuất: Xuất hàng bán
Xuất tại kho:

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Than cám 6		Tấn	13.3	13.3	950.000	12.635.000
	Cộng						12.635.000

Tổng tiền (bằng chữ): Mười hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.9: Sổ Nhật kí chung

Công ty TNHH Một thành viên 86 Mẫu số S03a -DN

Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			…..			
12/12/16	HD 0000189	12/12/16	Giá vốn than cám 3a	632	20.250.000	
				155		20.250.000
			…..			
14/12/16	HD 0000397	14/12/16	Doanh thu bán than cục xô	632	27.825.000	
				155		27.825.000
			…..			
15/12/16	HD 0000698	15/12/16	Doanh thu bán than cám 6	632	12.635.000	
				155		12.635.000
			…..			
			Cộng phát sinh		**2.980.145.865.786**	**2.980.145.865.786**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.9) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 632 (Biểu 2.10)

Biểu 2.10: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
			……			
12/12/16	PXK 240	12/12/16	bán than cám 3a	155	20.250.000	
			……			
14/12/16	PXK 256	14/12/16	bán than cục xô	155	27.825.000	
			……			
15/12/16	PXK 261	15/12/16	bán than cám 6	155	12.635.000	
			……			
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển GVBH	911		159.251.900.389
			Cộng số phát sinh		**159.251.900.389**	**159.251.900.389**
			SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ kế toán

  - Bảng lương, bảng phân bổ lương

  - Bảng phân bổ chi phí trả trước.

  - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

  - Phiếu chi, giấy báo nợ, Hóa đơn GTGT.

  - Các chứng từ khác có liên quan,…

- Tài khoản sử dụng

  - TK 641 - Chi phí bán hàng

  - TK 642 - Chi phí quản lí doanh nghiệp

- Sổ sách kế toán

  - Sổ nhật kí chung

  - Sổ cái TK 641

  - Sổ cái TK 642

- Ví dụ

- Ví dụ 1: Ngày 10/12/2016 Công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2016 theo HĐ0567936 (Biểu 2.15) Công ty lập phiếu chi 225 (Biểu 2.16). Căn cứ vào hóa đơn và phiếu chi Công ty tiến hành ghi sổ Nhật kí chung (Biểu 2.19)

Định khoản:

Nợ TK 642 : 1.620.841

Nợ TK 133 : 162.084

Có TK 111: 1.782.925

Biểu 2.15: Hóa đơndịch vụ viễn thông

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: BB/13E

Số **0567938**

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Telecommunication service invoice

Đơn vị bán hàng: Trung tâm kinh doanh VNPT- Quảng Ninh- Chi nhánh Tổng công ty dịch vụ viễn thông

Mã số thuế: 0106867938-051

Địa chỉ: Số 342 đường Trần Phú, P.Cẩm Thành, Tp.Cẩm Phả

Tên khác hàng: **Công ty TNHH Một thành viên 86**

Địa chỉ: **Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh**

Số thuê bao: **0203 3869 920** Mã số:

Hình thức thanh toán: **Tiền mặt** MST: **5700639834**

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2016				1.620.841
Cộng tiền dịch vụ:					1.620.841
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		162.084
Tổng tiền thanh toán:					1.782.925

Số tiền (bằng chữ): Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng

Ngày 13 tháng 12 năm 2016

Người nộp tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao dịch

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.16: Phiếu chi

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Số: 225

Nợ TK 642: 1.620.841
Nợ TK 133: 162.084
Có TK 111: 1.782.925

Họ và tên người nhận :Nguyễn An

Địa chỉ : Công ty dịch vụ viễn thông VNPT Quảng Ninh

Lý do chi : Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 11/2016

Số tiền : 1.782.925

Bằng chữ :Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng

Kém theo : Chứng từ gốc

Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Gián đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

- Ví dụ 2: Ngày 18/12/2016 công ty thanh toán tiền mua dây thép buộc cáp thép để cố định tải trọng của bộ phận bán hàng cho Công ty Vũng Đục 50.300.000đ, thuế 10%.

Căn cứ vào HĐ0000589 (Biểu 2.17) tiến hành viết phiếu chi 234 (Biểu 2.18) sau đó kế toán tiến hành hạch toán các nghiệp vụ đó vào sổ Nhật kí chung (Biểu 2.19) và sổ Cái (Biểu 2.20)

Biểu 2.17: Hóa đơn GTGT số 0000589

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 2: Giao cho người mua				Ký hiệu: VD/14P	
				Số: 0000589	
Ngày 18 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VŨNG ĐỤC**					
Mã số thuế: 5700843780					
Địa chỉ: Tổ 63-Khu Diêm Thủy-P.Cẩm Đông-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh					
Điện thoại:0203 3860 145-Fax :0203 3860 144 Email: cophanvungduc.cpqn@gmail.com					
Số tài khoản: 1020 100 006 35606 tại ngân hàng công thương Cẩm Phả					
4411 0000 385525 tại ngân hàng đầu tư và phát triển Cẩm Phả					
Họ và tên người mua: Phạm Quang Thiều					
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86**					
Số tài khoản: 44110000000138					
Địa chỉ: Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt				MST: 57 006 39834	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Cáp thép	kg	50	26	50.300.000
Cộng tiền hàng:					50.300.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		5.030.000
Tổng cộng thanh toán:					55.330.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng			Người bán hàng		Giám đốc
(đã ký)			*(đã ký)*		*(đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.18: Phiếu chi

Công ty TNHH Một thành viên 86

Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Số: 234

Nợ TK 641: 50.300.000

Nợ TK 133 : 5.030.000

Có TK 111: 55.330.000

Họ và tên người nhận :Phạm Quang Thiều

Địa chỉ : Công ty TNHH Một thành viên 86

Lý do chi : Chi tiền mua cáp thếp của Công ty Cổ phần Vũng Đục

Số tiền : 55.330.000

Bằng chữ : Năm mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng.

Kém theo : Chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Gián đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.19: Sổ Nhật kí chung

Công ty TNHH Một thành viên 86

Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a -DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			…..			
13/12/2016	PC225	13/12/2016	Thanh toán tiền điện thoại T11/2016	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
			…..			
18/12/2016	PC234	18/12/2016	Mua cáp thép	641	50.300.000	
				133	5.030.000	
				111		55.330.000
			…..			
			Cộng phát sinh		**2.980.145.865.786**	**2.980.145.865.786**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.20: Sổ cái TK 641

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: Chi phí bán hàng
Số hiệu: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
			……			
18/12/2016	PC 234	18/12/2016	Mua cáp thép	111	55.330.000	
			……			
31/12/2016	PKT 14	31/12/2016	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		718.568.036
			Cộng số phát sinh		**718.568.036**	**718.568.036**
			SDCK			

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.21: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Chi phí quản lí doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
			……			
10/12/2016	PC 225	10/12/2016	Thanh toán tiền điện thoạt T11/2016	111	1.782.925	
			……			
31/12/2016	PKT 14	31/12/2016	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp	911		5.751.021.837
			Cộng số phát sinh		**5.751.021.837**	**5.751.021.837**
			SDCK			

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên 86

- Chứng từ sử dụng

  - Giấy báo có, giấy báo nợ

  - Phiếu thu, phiếu chi

  - Các chứng từ có liên quan...

- Tài khoản sử dụng

  - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

  - TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

- Sổ sách kế toán

  - Sổ nhật kí chung

  - Sổ cái TK 515, 635

- Ví dụ:

Ngày 31/12/2016 Công ty nhận được thông báo về số tiền lãi nhập gốc tháng 12 từ ngân hàng, số tiền 23.689.000

Định Khoản:

Nợ TK 112: 23.689.000

Có TK 515: 23.689.000

Căn cứ vào Giấy báo có (Biểu 2.21) rồi tiến hành lập sổ Nhật kí chung (Biểu 2.22), Sổ cái (Biểu 2.23) các tài khoản có liên quan.

Biểu 2.21: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV: TTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã KH: VC/18T

Số GD: 0100112437

Kính gửi : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86

Mã số thuế: : 5300236125

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: : 44110000000138

Số tiền bằng số: 23.689.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng

Nội dung: Trả lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.22: Sổ Nhật kí chung

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a -DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			.....			
			.....			
10/12/2016	HĐ 0567936	10/12/2016	Thanh toán tiền điện thoại T11/2016	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
			.....			
18/12/2016	PC234	18/12/2016	Mua cáp thép	641	50.300.000	
				133	5.030.000	
				111		55.330.000
			.....			
31/12/2016	GBC 0100112437	31/12/2016	Lãi nhập gốc	112	23.689.000	
				515		23.689.000
			...			
			Cộng phát sinh		**2.980.145.865.786**	**2.980.145.865.786**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Biểu 2.23: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
			……			
31/12/2016	GBC 0100112 437	31/12/2016	Lãi nhập gốc	112		23.689.000
31/12/2016	PKT 13	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	10.763.580.298	
			Cộng số phát sinh		**10.763.580.298**	**10.763.580.298**
			SDCK			

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

2.2.3. *Kế toán doanh thu và chi phí khác trong Công ty TNHH Một thành viên 86*

Trong năm 2016 Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quán đến tài khoản 811 và 711

2.2.4. *Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 86*

- Chứng từ sử dụng

  - Phiếu kế toán

  - Các chứng từ có liên quan

- Tài khoản sử dụng

  - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

  - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

  - TK 421: LNST chưa phân phối

- Sổ sách kế toán

  - Sổ nhật kí chung

  - Sổ cái TK 911

  - Sổ cái TK 821

  - Sổ cái TK 421

Căn cứ vào số liệu trên TK 511, TK 515 kế tóan tiến hành bù trừ hai bên Nợ- Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập Phiếu kế toán số 13 để phản ánh kết chuyển doanh thu, thu nhập (Biểu 2.24)

Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 13

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số: 13

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	159.251.900.389
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	10.763.580.298
	Cộng			**170.015.480.687**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào sổ cái TK 632, TK 641, TK 642 kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán 14 để phản ánh việc kết chuyển chi phí kinh doanh (Biểu 2.25)

Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 14

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số: 14

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	146.954.548.977
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	718.568.036
3	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp	911	642	5.751.021.837
	Cộng			**153.424.138.850**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán xác định được lợi nhuận trước thuế từ đó tiến hành lập phiếu kế toán 15 phản ánh số thuế TNDN phải nộp năm 2016 (Biểu 2.28)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 15

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số: 15

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	821	3334	958.600.000
	Cộng			**958.600.000**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 15 (Biểu 2.28) kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 16 phản ánh bút toán kết chuyển thuế TNDN phải nộp năm 2016 (Biểu số 2.29)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 16

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số: 16

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	911	821	958.600.000
	Cộng			**958.600.000**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 16 (Biểu 2.29) kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 từ đó lập phiếu kế toán số 17 phản ánh số lợi nhuận sau thuế (Biểu 2.32)

Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 17

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số: 17

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	15.632.741.837
	Cộng			**15.632.741.837**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào phiếu kế toán 17 (Biểu 2.32) kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.33)

Biểu 2.33: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			…..			
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	159.251.900.389	
				911		159.251.900.389
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	10.763.580.298	
				911		10.763.580.298
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	718.568.036	
				641		718.568.036
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp	911	5.751.021.837	
				642		5.751.021.837
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển GVHB	911	146.954.548.977	
				632		146.954.548.977
31/12/16	PKT 15	31/12/16	Chi phí thuế TNDN năm 2016	821	958.600.000	
				3334		958.600.000
31/12/16	PKT 16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN năm 2016	911	958.600.000	
				821		958.600.000
31/12/2016	PKT 17	31/12/2016	Kết chuyển LNST	911	15.632.741.837	
				421		15.632.741.837
			Cộng phát sinh		**2.980.145.865.786**	**2.980.145.865.786**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.33) kế toán ghi sổ cái TK 821 (Biểu 2.34)

Biểu 2.34: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: LNST chưa phân phối

Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/2016	PKT 15	31/12/2016	Chi phí thuế TNDN năm 2016	3334	958.600.000	
31/12/2016	PKT 16	31/12/2016	Kết chuyển thuế TNDN năm 2016	911		958.600.000
			Cộng số phát sinh		**958.600.000**	**958.600.000**
			SDCK			

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.30) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 421 (Biểu 2.31)

Biểu 2.30: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: LNST chưa phân phối
Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			**16.001.387.023**
			...			
31/12/2016	PKT 17	31/12/2016	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		15.632.741.837
			Cộng số phát sinh			15.632.741.837
			SDCK			**31.634.128.860**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 86)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.33) kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 911 (Biểu 2.35)

Biểu 2.35: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b–DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/2016	PKT 13	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		159.251.900.389
31/12/2016	PKT 13	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		10.763.580.298
31/12/2016	PKT 14	31/12/2016	Kết chuyển chi phí bán hàng	632	146.954.548.977	
31/12/2016	PKT 14	31/12/2016	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp	642	5.751.021.837	
31/12/2016	PKT 14	31/12/2016	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	718.568.036	
31/12/2016	PKT 16	31/12/2016	Kết chuyển Thuế TNDN	821	958.600.000	
31/12/2016	PKT 17	31/12/2016	LNST	421	15.632.741.837	
			Cộng số phát sinh		**170.015.480.687**	**170.015.480.687**
			SDCK			

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH một thành viên

Căn cứ vào sổ cái TK 511 (Biểu 2.6), TK 515 (Biểu 2.23), TK 632 (Biểu 2.10), TK 641 (Biểu 2.20), TK 642 (Biểu 2.21) kế toán lập **Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016** (Biểu 2.36)

Biểu 2.36: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B02 -DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã	Mã thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		159.251.900.389	134.431.741.033
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)**	10		159.251.900.389	134.431.741.033
4	Giá vốn hàng bán	11		146.954.548.977	112.933.002.858
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)**	20		12.197.351.412	21.498.738.175
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.763.580.298	15.261.259
7	Chi phí tài chính	22			
	- Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	25		718.568.036	599.983.735
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.751.021.837	5.114.716.974
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26)**	30		16.491.341.837	15.799.298.725
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	40			
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	50		16.491.341.837	15.799.298.725
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		958.600.000	959.859.745
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)**	60		15.532.741.837	14.839.438.980
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

CHƯƠNG III.
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 86

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kể toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên 86

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ của Nhà nước tương đối đúng đắn và phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Hiện nay trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên chế độ kế toán tại công ty vẫn chưa được hoàn toàn hợp lý.

3.1.1. Ưu điểm

- *Về công tác nói chung*

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế tóan của Công ty gọn nhẹ. Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học, hợp lý, đội ngũ kế toán là người có kinh nghiệm, chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc.

Về trình tự hạch toán: kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp, nhanh chóng, chính xác, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đúng đắn, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Công ty luôn chấp hành đúng chính sách, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế, tổ chức mửo sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của doanh thu, chi phí.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của Công ty. Quy định mở và ghi chép trên Sổ nhật kí chung, sổ cái, Sổ chi tiết tương đối chặt chẽ và khóa học, đã kết hợp rộng rãi việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Tổ chức công tác hạch toán toàn cầu ban đầu: Các chứng từ được lập tại Công ty đều phù hợp với yêu cầi kinh tế phát sinh và yêu cầi pháp lý của nghiệp

vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu đều có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên có liên quan, một số sử dụng theo đúng mẫu quy định của BTC ban hành theo quyết định. Trước khi đưa vào lưu trữ tất cả các chứng từ được sắp xếp, phân loại hệ thống theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo thứ tự thời gian. Với hệ thống chứng từ như vậy, đã giúp cho quá trình luân chuyển chứng từ dễ dàng hơn, tạo điệu kiện cho việc ghi sổ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

➢ *Về công tác doanh thu, chi phí và xác định kế quả kinh doanh*

Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ để được kế toán ghi nhận một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ kể từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề quan trọng mà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty phần nào đã đáp ứng được yêu cầu của BGĐ trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của côgn ty. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

Bên cạnh đó, việc áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung, hình thứuc này vừa mang tính chất tổng hợp, vừa mang tính chất chi tiết, phù hợp với trình độ của nhân viên kế toán giúp công tác tìm kiếm, quản lý dữ liệu đượ tiến hành một cách nhanh chóng và thuận tiện, dễ dàng.

3.1.2. Hạn chế

Công ty không hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng mặt hàng.

Công ty chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán giúp cho việc xử lý số liệu, lưu trữ số liệu vẫn còn hạn chế.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 86

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị công ty cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất. Nó làm cơ sở cho quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp công ty trong mục đích kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần TNHH Một thành viên 86.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Để bộ máy kế toán hoàn thiện hơn thì cần phải đảm bảo những tiêu chí sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc hay dập khuôn theo chế độ nhưng phải trong khuôn khổ.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kê stoán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ý kiến 1: Mở sổ kế toán chi tiết doanh thu, chi phí phục vụ xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng.

- Lý do kiến nghị: Công ty TNHH một thành viên 86 chưa mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

- Mục tiêu của giải pháp: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn, thuận lợi gộp chi tiết theo từng mặt hàng.

- Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (Biểu3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2)

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S35 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản):…….
Tháng….. Năm…..

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày… tháng… năm…

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (Biểu 3.2) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở sổ chi tiết bán hàng.

Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S36 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản:……
Tên sản phẩm, dịch vụ:…..

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản		
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra	
						……	……
A	B	C	D	E			
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				
			- Ghi Có TK…				
			Số dư cuối kỳ				

Ngày… tháng… năm…

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 1: Căn cứ vào HĐ000189 (Biểu 2.1) ngày 12/12/2016 Công ty xuất bán 15 tấn than cám 3a cho công ty than Dương Huy kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết TK511 (Biểu 3.3) và căn cứ vào phiếu xuất kho 240 (Biểu 2.8) kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK632 (Biểu 3.4)

Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S35 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản): than cám 3a

Tháng 12 Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			….						
12/12/16	HĐ 000189	12/12/16	Bán than cám 3a	131	15	1.500.000	22.500.000		
			….						
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên 86
Khu 1 Phường Quang Hanh-Tp.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S36 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: than cám 3a

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản		
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra	
						Giá vốn xuất kho	Chi phí thu mua phân bổ
A	B	C	D	E			
			….				
12/12/16	PXK240	12/12/16	Xuất hàng theo HĐ000189	155	20.250.000	20.250.000	
			….				
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				
			- Ghi Có TK…				
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các TK511 và TK632 giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được doanh thu của mặt hàng nào có hiệu quả hơn, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào và nên giảm doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào. Ban quản trị sẽ xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

- ***Ý kiến 2: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.***

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán Misa, Fast,... Công ty nên áp dụng và trang bị phần mềm kế toán cho đội ngũ kế toán, để xử lý nhanh các nghiệp vụ mà có được độ chính xác và hiệu quả cao.

Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017:

Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bơi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành. Điểm nội trội của phần mềm này là chức năng lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng, công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phàn mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL và tính chính xác trong việc xử lí số liệu tính toán cũng rất chính xác.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận " Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV 86" đã giải quyết được 1 số vấn để như sau:

➢ Về mặt lí luận:

- Đưa ra được những lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính doanh nghiệp.

➢ Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV 86.

- Đề tài đã đánh giá được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

- Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH NTV 86.

Do thời gian thực tập có hạn và vốn kiến thức còn hạn hẹp nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô Phạm Thị Mai Quyên, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán ở phòng kế toán tại công ty TNHH MTV 86 đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo tại phòng kế toán Công ty TNHH MTV 86

2. Bộ Tài Chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)- Hệ thống tài khoản kế toán,* NXB Giao thông vận tải.

3. Bộ Tài Chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)- Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán,* NXB Giao thông vận tải.

4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.

5. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán,* NXB Lao động và xã hội.